

Số: 30 /VTNN

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DOC
- Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251) 3836 270 – 3833 289 Fax: (0251) 3836 270 – 3833 289
- E-mail: docambh@vnn.vn
- Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Anh Thy- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin: **Báo cáo thường niên 2023** của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mục quan hệ cổ đông tại đường dẫn “ docam.vn/tai-lieu-van-ban/”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên 2023
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Thị Anh Thy



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**



2023

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính đã kiểm toán

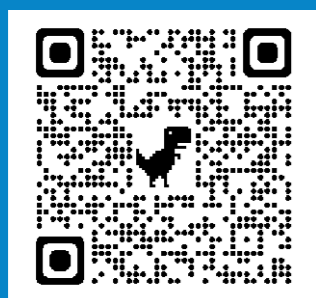
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

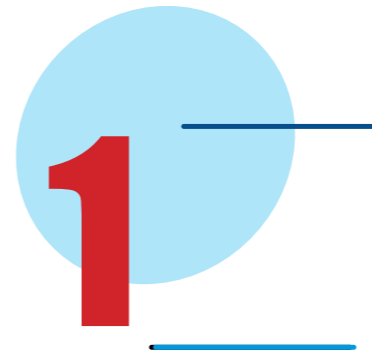
DOCAM	CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
CTCP	Công ty Cổ phần



Báo cáo thường niên 2023

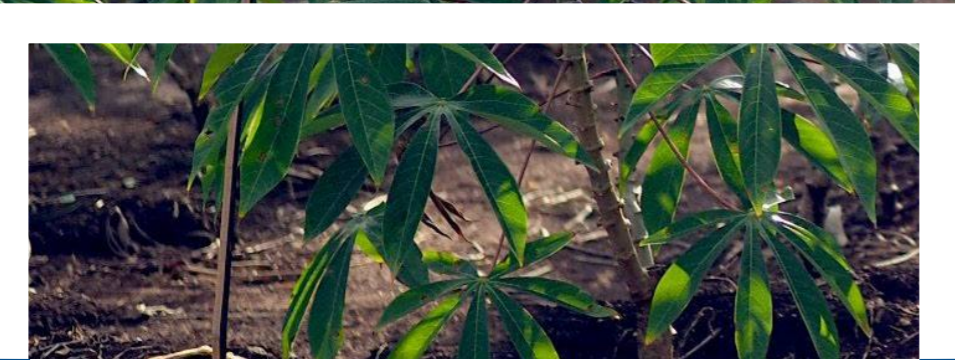
Công ty Cổ phần
Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai





THÔNG TIN CHUNG


- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro




THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAI

- **Tên viết tắt** DOCAM
- **Tên Tiếng Anh** DONG NAI JOINT STOCK COMPANY OF AGRICULTURAL MATERIAL
- **Mã cổ phiếu** DOC
- **Vốn điều lệ** 100.000.000.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 100.000.000.000 đồng
- **Trụ sở chính** Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- **Giấy chứng nhận đăng ký DN** 3600333736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/03/2010, thay đổi lần thứ 07 ngày 28/09/2023.

 (0251) 3836 074

 www.docam.vn

 (0251) 3836 270

 docambh@vnn.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

12/2004

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 5939/QĐ.CT.UBT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước), chủ sở hữu của Công ty là UBND tỉnh Đồng Nai

06/2005

Theo quyết định số 2339/QĐ-UBND, UBND tỉnh Đồng Nai thành lập Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai là công ty thành viên, hạch toán độc lập, dưới sự quản lý của đại diện chủ sở hữu là Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

03/2010

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

01/2011

Ngày 26/01/2011, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

2016 - nay

Công ty định hướng phát triển mảng kinh doanh bán buôn phân bón, nông sản, liên tục củng cố và nâng cao vị thế tăng trưởng trên thị trường phân bón nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động trong năm cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

11/2009

Theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

12/2016

Cổ phiếu Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch với mã chứng khoán là DOC, ngày giao dịch đầu tiên 19/12/2016, giá tham chiếu 11.000 đồng/cổ phiếu.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Kinh doanh phân bón: Bán buôn phân bón.
- » Kinh doanh nông sản: Bán buôn nông sản nguyên liệu, giống cây trồng.
- » Dịch vụ cho thuê kho xưởng.

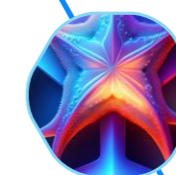
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai chủ yếu tại khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và TP. Hồ Chí Minh.

 Tây Nam Bộ

 Đông Nam Bộ

 Tây Nguyên





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai có mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông tổ chức họp thường niên mỗi năm một lần và có thể phát sinh các cuộc họp bất thường.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị được bổ nhiệm bởi Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý và toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác – trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 03 thành viên.



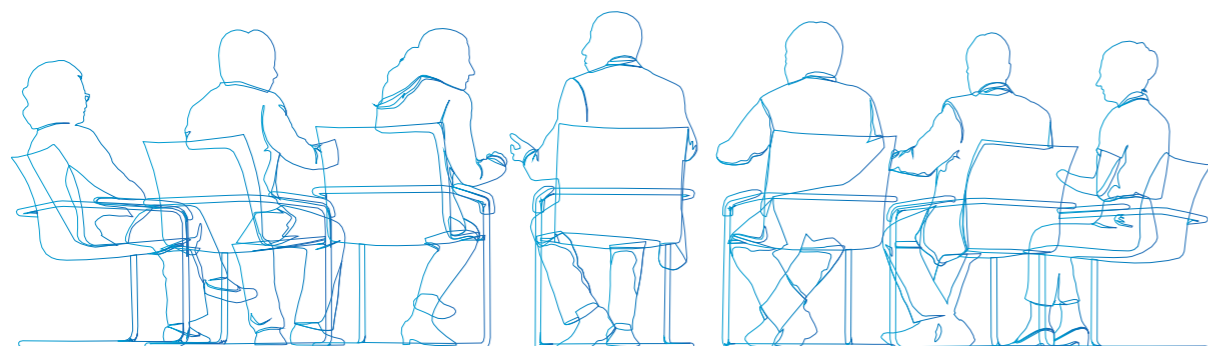
BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện theo điều lệ Công ty, các quy định pháp luật, và có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu cần thiết. Ban kiểm soát hiện tại của Công ty gồm 03 thành viên.

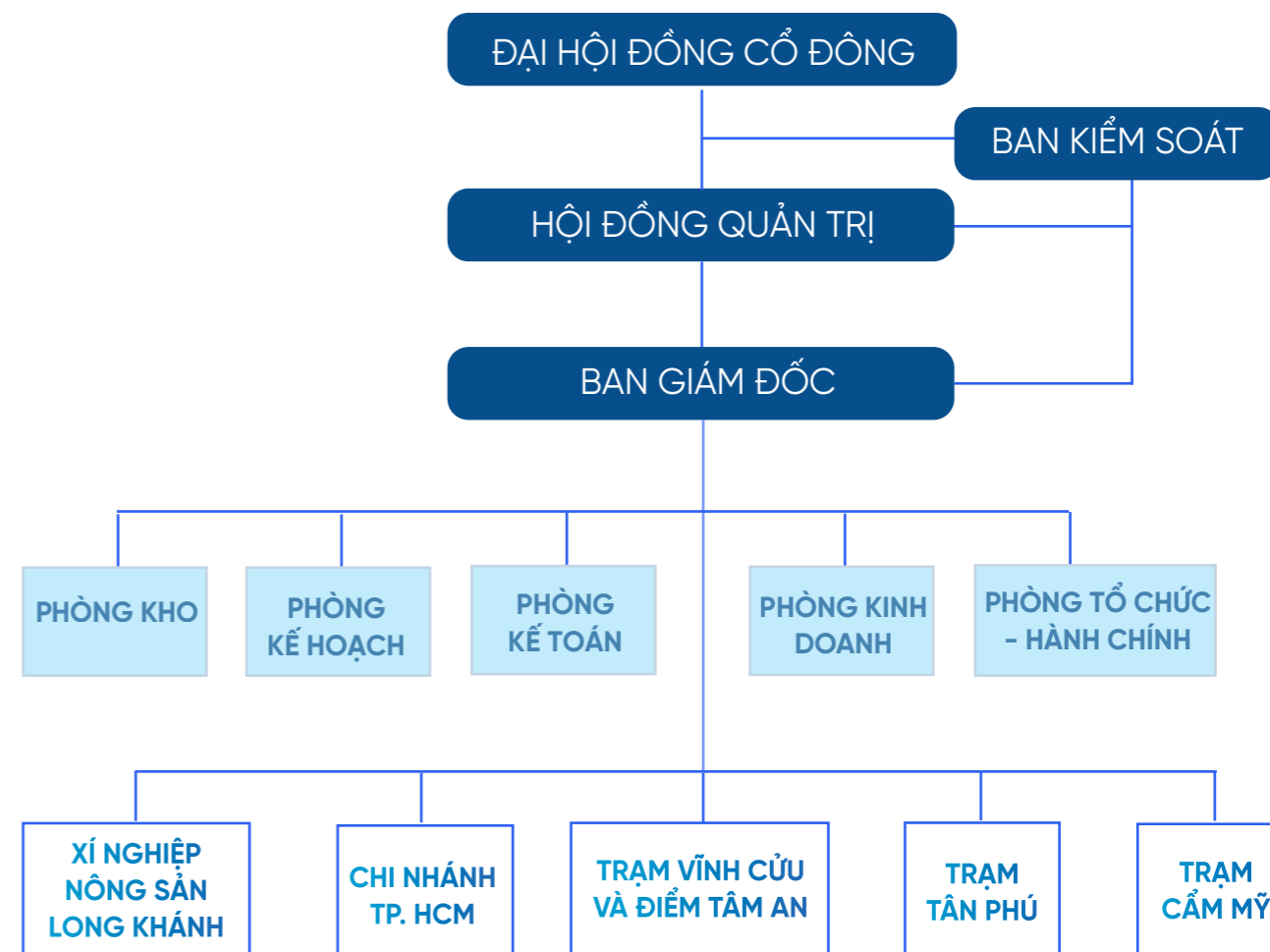


BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc được bổ nhiệm từ Hội đồng quản trị và trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc hiện tại của Công ty gồm 02 thành viên.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai không có Công ty Con, Công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trạm Vật tư Nông nghiệp Tân Phú	Quốc Lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Quốc Lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông nghiệp Cẩm Mỹ	Tổ 22, Ấp Láng Lớn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông nghiệp Vĩnh Cửu	Tỉnh lộ 768, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	629 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- » Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông.
- » Xây dựng và phát triển thương hiệu DOCAM trở thành một thương hiệu mạnh về thương mại dịch vụ, vật tư nông nghiệp.
- » Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.
- » Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- » Đồng hành cùng sự phát triển của các vùng nông nghiệp gắn kết với sự phát triển của Công ty.
- » Sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy kinh doanh thương mại phân bón, nông sản làm nền tảng duy trì và phát triển. Tùy theo điều kiện thị trường, mở rộng việc kinh doanh nông sản và phân bón hữu cơ nhằm bù đắp sản lượng phân bón hóa học tiêu thụ ngày càng ít đi do nhu cầu thực phẩm sạch/ hữu cơ tăng lên.
- » Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty.
- » Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của Công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, dự kiến thời hạn chậm nhất là 31/12/2025. Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, Công ty sẽ lập hồ sơ báo cáo để án xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho theo quy định hiện hành. Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới quá tốn kém, không hiệu quả, công ty cân nhắc có thể lựa chọn phương án không đầu tư cơ sở mới khi phải di dời, mà tiến hành thuê/xây dựng văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.



Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- » Với phương châm DOCAM không chỉ là đối tác kinh doanh mà còn là đồng hành chân thành với cộng đồng nông dân. Hướng đến hợp tác và chia sẻ lợi ích cùng các đối tác và khách hàng. Sự quan tâm đặc biệt của DOCAM không chỉ dừng lại ở mặt kinh doanh mà còn mở rộng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, xanh sạch, và luôn ưu tiên an toàn, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết trong quá trình kinh doanh.
- » Mục tiêu của Công ty không chỉ là về lợi nhuận mà còn liên quan chặt chẽ đến bảo vệ môi trường, DOCAM cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn về môi trường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác của địa phương.
- » Đồng thời, Công ty ưu tiên mục tiêu phát triển đi đôi với việc đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Hàng năm, đóng góp một phần lợi nhuận vào quỹ phúc lợi để hỗ trợ các chương trình và hoạt động xã hội như xây dựng nhà tình thương, giảm nghèo, hỗ trợ an ninh quốc phòng, và phòng chống thiên tai tại địa phương.



CÁC RỦI RO





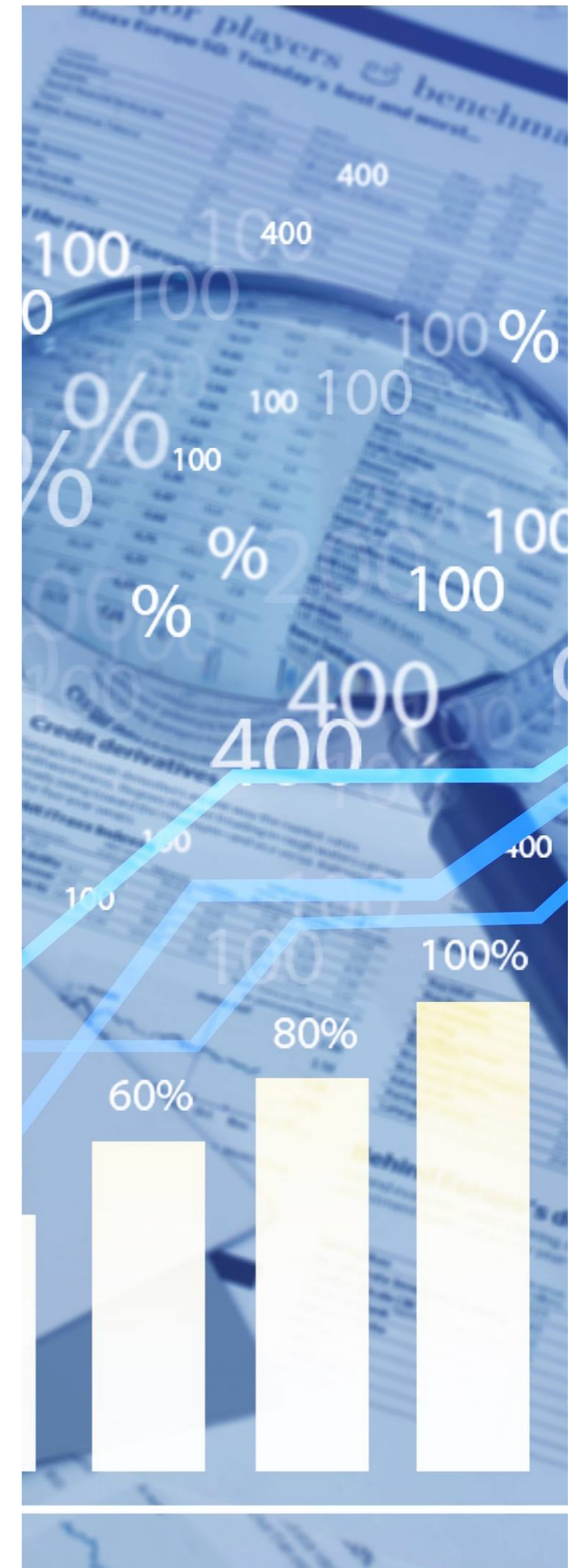
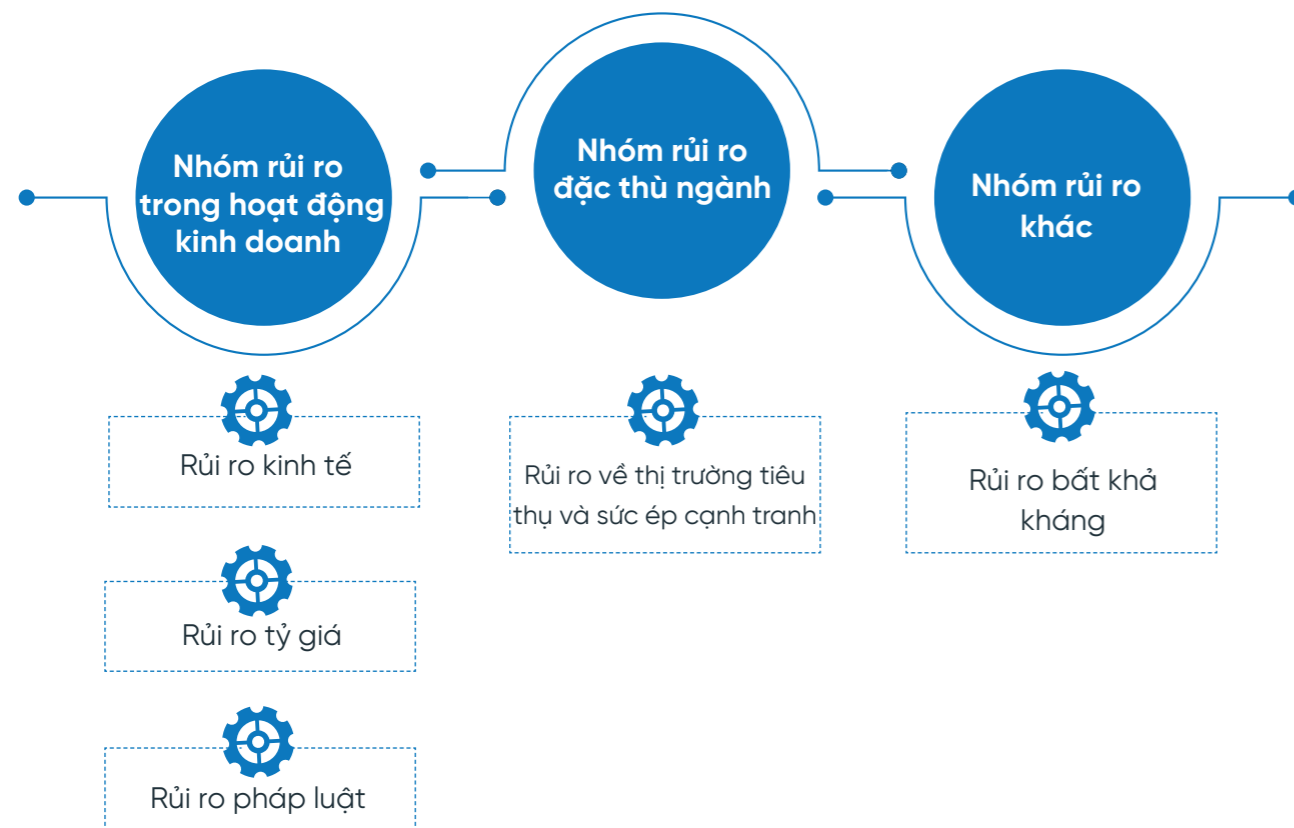
RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2023, những vấn đề bất ổn chính trị, xung đột Nga – Ukraine, giao tranh khu vực Trung Đông gây ra nhiều khó khăn cho phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid 19. Kinh tế toàn cầu và nội địa đối mặt với nhiều thách thức, đầu tư và tiêu dùng giảm sút, lãi suất liên tục điều chỉnh tăng để hạn chế sự gia tăng lạm phát.

Kết thúc năm 2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 5,05% so với năm trước. Mặc dù thấp hơn so với tiêu chí đề ra nhưng mức tăng trưởng thuộc nhóm cao trong khu vực. Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế mở lớn, đã tham gia vào phần lớn các hiệp định thương mại tự do và ưu đãi thuế quan toàn cầu. Do đó, bất kì biến động nào trên thị trường quốc tế đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường Việt Nam. Trong 06 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu nguyên vật liệu kể cả phân bón, nguồn cung tăng, làm giá nguyên liệu đầu vào giảm, khiến giá phân bón giảm. Sau đó, có lúc giá phân bón đã có xu hướng phục hồi lại một phần do Ai Cập cắt giảm 30% nguồn cung khí sản xuất Urê, nhu cầu nhập khẩu lớn từ Ấn Độ và Trung Quốc tạm ngừng. Tuy thị trường phân bón biến động thất thường nhưng xu hướng chung của cả năm 2023 là nguồn cung khá dồi dào và giá giảm sâu so với năm 2022.

Vì vậy, đối mặt với thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát tình hình thị trường để kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt với tình hình thực tế. Công ty đặt sự tập trung lớn vào dự ước nhu cầu thực tế sản lượng hàng hóa tiêu thụ của thị trường, không tồn trữ lượng lớn phân bón để tránh cơn bão sụp giá gây thua lỗ lớn.

PHÂN TÍCH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO PHÁP LUẬT

DOCAM là một Công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai hoạt động dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật Thuế, Luật Lao động, Luật Hải Quan các quy định từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra, với đặc thù về hoạt động kinh doanh về nông sản và phân bón, DOCAM còn phải tuân theo các quy định từ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 84/2019/ NĐ-CP Quy định về quản lý phân bón, Thông tư 09/2019/TTBNNPTNT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón, chính sách thuế quan,...

Hành lang pháp luật Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện, sẽ liên tục có những thay đổi và điều chỉnh để phù hợp hơn với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước. Điều này gây sẽ gây trong việc vận dụng Luật vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, DOCAM luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên các thay đổi về quy định pháp luật. Ban lãnh đạo Công ty xây dựng mục tiêu phù hợp để thích nghi với sự thay đổi và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

Bức tranh ngành thương mại phân bón năm 2023 với nhiều khó khăn, giá phân bón tăng/giảm mạnh thất thường tùy từng thời điểm và từng loại phân bón khác nhau. Tuy vậy, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp kinh doanh phân bón rất quyết liệt nhằm tồn tại trong điều kiện khắc nghiệt của cơ chế thị trường. Ngoài ra, các loại phân bón giả, kém chất lượng xuất hiện tràn lan trên thị trường khiến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá và chất lượng trên thị trường ngày càng gay gắt.

Đứng trước những thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát diễn biến thị trường và dự báo thị trường để đề ra các chính sách bán hàng linh hoạt theo mùa vụ/theo từng loại hàng hóa/theo từng thương vụ nhằm phát triển thị phần, gia tăng tiêu thụ. Công ty cũng không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu bằng cách tăng cường công tác tiếp thị và mở rộng kênh phân phối, từ đó tiếp cận được nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Trong lĩnh vực trồng trọt, vấn đề biến đổi khí hậu gây nhiều tác động tiêu cực như thời tiết cực đoan, hạn hán, lũ lụt, làm giảm diện tích đất canh tác, tình trạng sâu bệnh, mất mùa dẫn đến giảm quy mô trồng trọt. Nông dân cắt giảm đầu tư vật tư nông nghiệp do giá cả nên nhu cầu sử dụng phân bón giảm, hoạt động kinh doanh phân bón gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, năm 2023 tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sụt giảm mạnh, cộng thêm tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi có chiều hướng gia tăng làm giảm lượng chăn nuôi thủy sản/gia súc đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh nông sản của Công ty. Rủi ro lớn nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam là “được mùa mất giá”, lợi nhuận mang lại cho doanh nghiệp và nông dân rất thấp so với các ngành kinh tế khác.

Để đối mặt và vượt qua những thách thức này, Ban lãnh đạo của công ty không ngừng theo dõi và đánh giá thị trường, thực hiện các biện pháp hạn chế rủi ro, linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn. Công ty liên tục tìm kiếm đối tác mới để mở rộng kinh doanh phân bón/nông sản và tập trung vào các loại sản phẩm mà công ty có ưu thế. Trong lĩnh vực mua bán nông sản, công ty chủ yếu mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản và kết hợp với hình thức mua bán ngay khi có cơ hội. Ngoài ra các dịch vụ mang lại nguồn thu nhập bổ sung cũng đang được Ban lãnh đạo quan tâm và đã có những điều chỉnh trong thời gian gần đây.

CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO TỶ GIÁ

Tỷ giá hối đoái tác động rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Doanh nghiệp. Trong bối cảnh tỷ giá biến động khá mạnh và neo ở mức cao là vấn đề lớn của các Doanh nghiệp nhập khẩu nói chung và DOCAM nói riêng. Nhìn chung năm 2023 tỷ giá USD/VND tăng nhiều so với năm 2022.

Hoạt động kinh doanh của DOCAM chủ yếu là nhập khẩu phân bón từ nhiều vùng lãnh thổ và quốc gia trên thế giới. Do đó, hoạt động của

công ty đang chịu ảnh hưởng từ biến động trong thị trường tài chính trong nước và quốc tế, đặc biệt là biến động tỷ giá USD/VND. Khi tỷ giá tăng khiến giá vốn sẽ bị đẩy lên cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, trong năm 2023 DOCAM đã sử dụng nguồn ngoại tệ có được do xuất khẩu phân bón này để thực hiện việc nhập khẩu phân bón khác.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai còn phải đối mặt với nhiều yếu tố không thể kiểm soát khác như dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai, và các sự kiện khẩn cấp khác. Mặc dù xác suất xảy ra của những rủi ro này thường thấp, nhưng khi chúng xảy ra, có thể gây tổn thất lớn về người, tài sản và hoạt động kinh doanh của công ty. Vì lẽ đó, DOCAM luôn thực hiện các biện pháp chủ động như mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản, cũng như nâng cấp bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cơ sở vật chất để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản của công ty.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

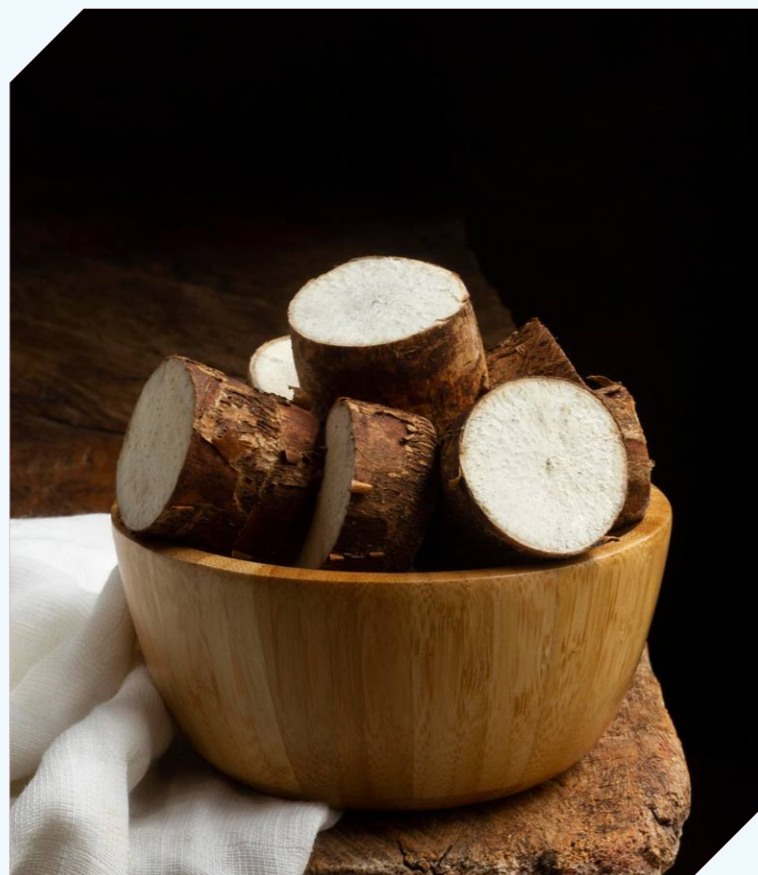
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Cơ cấu sản lượng

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023	KH 2023	% TH 2023/TH2022	% TH 2023/KH 2023
Phân bón	19.819	15.616	18.080	78,79%	86,37%
Nông sản (khoai mì)	5.212	5.734	4.520	110,01%	126,84%
Lúa giống	6	9	-	150%	-
Tổng sản lượng	25.037	21.359	22.600	85,30%	94,51%

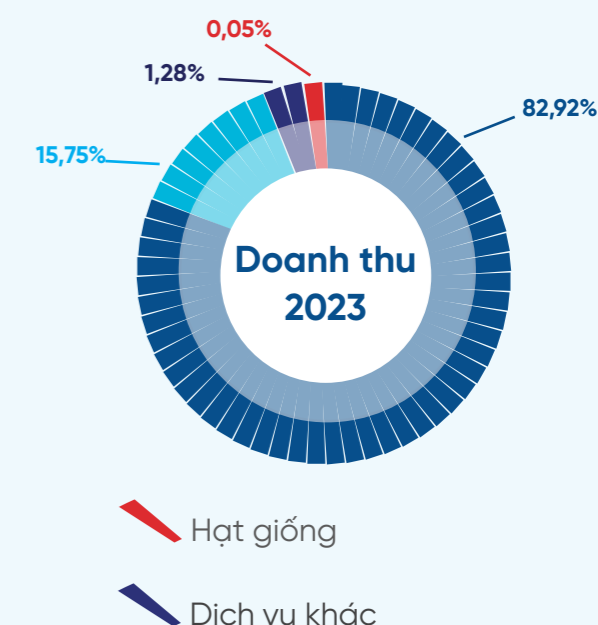
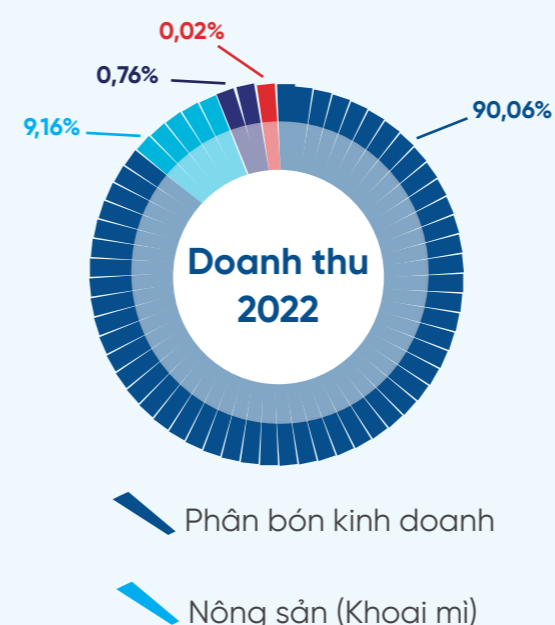
Trong năm vừa qua, do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn nên sản lượng bán hàng của DOCAM đã giảm từ 25.037 tấn năm 2022 xuống còn 21.359 tấn năm 2023, tương ứng với mức giảm 14,7%; tổng sản lượng tiêu thụ hàng hóa của Công ty thực hiện giảm 5% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, phân bón vẫn là mặt hàng kinh doanh chính của DOCAM khi chiếm đến 73,11% tổng sản lượng. Trong bối cảnh người dân thắt chặt chi tiêu, kéo theo nông dân giảm sức tiêu thụ phân bón trồng trọt đã làm sản lượng phân bón Công ty bán ra năm 2023 chỉ bằng 78,79% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại với phân bón thì mặt hàng còn lại là nông sản ghi nhận mức tăng trưởng 10,02% đạt 5.734 tấn khoai mì.



Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hàng hóa, dịch vụ	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2022	Tỷ trọng 2023	%Tăng/Giảm
Phân bón kinh doanh	333.094	195.958	90,06%	82,92%	(41,17%)
Nông sản (khoai mì)	33.892	37.222	9,16%	15,75%	9,83%
Hạt giống	59	115	0,02%	0,05%	94,92%
Dịch vụ khác	2.825	3.034	0,76%	1,28%	7,40%
Tổng doanh thu	369.870	236.329	100%	100%	(36,10%)



Kết quả kinh doanh Công ty năm 2023, tổng doanh thu đạt 236.329 triệu đồng tương ứng với mức giảm 36,10% so với cùng kỳ năm trước và đạt 123,9% so với kế hoạch.

Năm 2023, doanh thu phân bón đạt 195.958 triệu đồng giảm 41,1% so với năm 2022. Nguyên nhân doanh thu phân bón giảm trong năm là bởi trong những tháng đầu năm 2022 do sự đứt gãy chuỗi cung ứng do đại dịch Covid-19, cộng thêm chiến tranh giữa Nga – Ukraine đã làm giá phân bón đạt đỉnh lịch sử, tuy nhiên từ cuối năm 2022 và sang năm 2023 giá phân bón giảm mạnh cùng với sức mua thị trường giảm nhiều đã tác động trực tiếp đến doanh thu bán phân bón của Công ty.

Nông sản (khoai mì) là lĩnh vực kinh doanh quan

trọng thứ hai của Công ty khi chiếm 15,75% tỷ trọng doanh thu. Doanh thu nông sản đạt 37.222 triệu đồng với mức tăng trưởng 9,16% so với năm 2022. Trong năm 2023, mặc dù tình hình tiêu thụ nông sản (khoai mì) của các nhà máy chế biến thủy sản giảm mạnh do Việt Nam không xuất khẩu được thủy hải sản, bù lại nhu cầu nhập khẩu nông sản, đặc biệt là khoai mì của Trung Quốc đã tăng cao và duy trì ở mức ổn định đến quý 3/2023 góp phần giúp Công ty tăng trưởng được sản lượng và doanh thu mặt hàng nông sản.

Ngoài ra, doanh thu đến từ kinh doanh hạt giống và cung cấp dịch vụ khác tuy chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ lần lượt là 0,05% và 1,28% trong năm 2023 nhưng đều ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	TH 2023	KH 2023	% TH2023/TH2022	% TH2023/KH2023
Tổng sản lượng	Tấn	25.037	21.359	22.600	85,31%	94,51%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	369.870	236.329	190.700	63,90%	123,93%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	22.344	5.921	5.000	26,50%	118,42%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	17.821	4.717	4.000	26,47%	117,93%

Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn và thách thức đối với DOCAM cũng như tất cả các công ty kinh doanh phân bón, nông sản. Trong bối cảnh đó, DOCAM đã nỗ lực hết sức, thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt, tận dụng các cơ hội để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Sau 02 năm đạt đỉnh (2021-2022), dự báo giai đoạn 2023 - 2024 là giai đoạn sàng lọc của thị trường phân bón. Thị trường phân bón đã quay trở lại trạng thái: giá thấp, cung lớn hơn cầu, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp quyết liệt, hiệu quả kinh doanh rất thấp, dễ dẫn đến thua lỗ nếu không

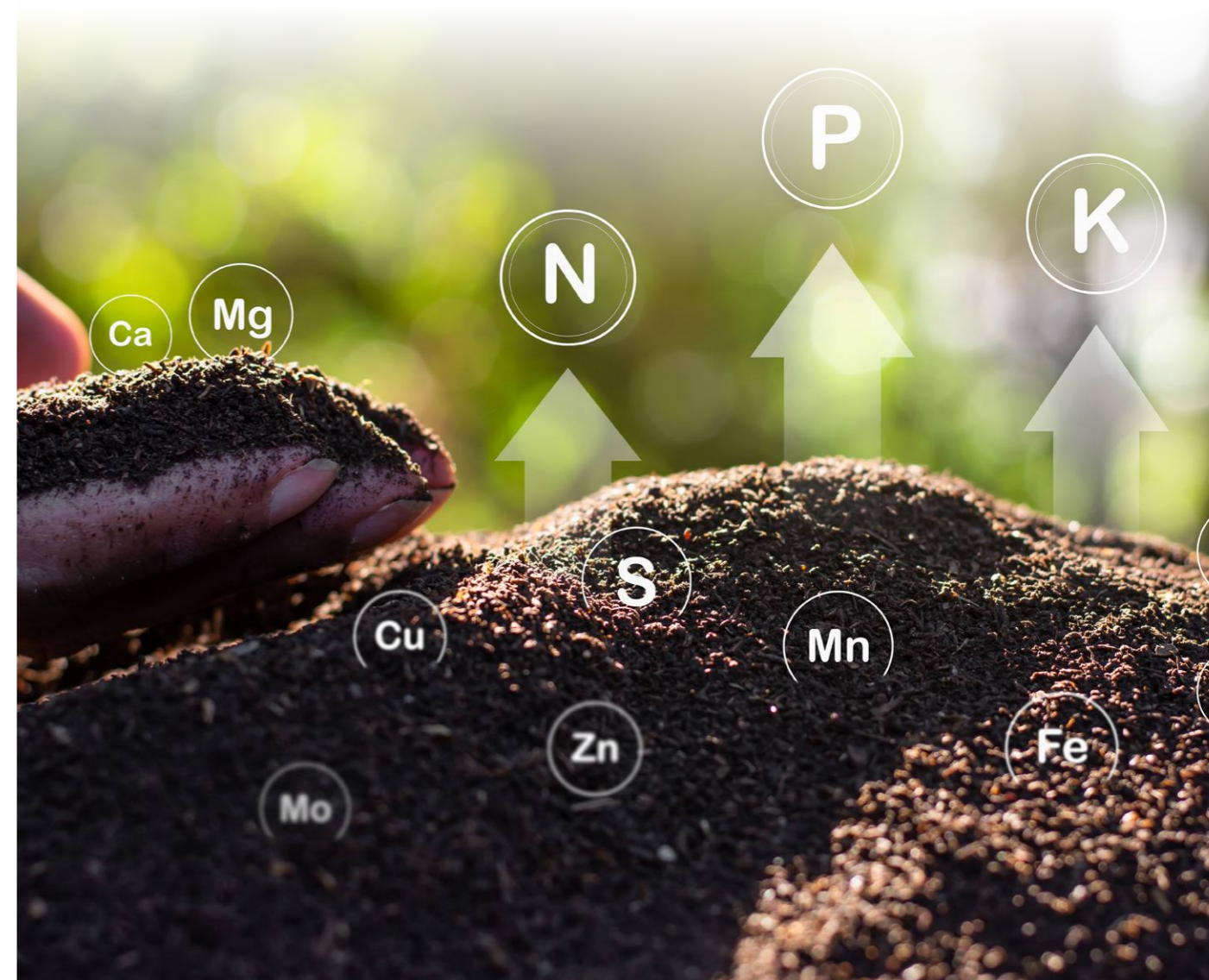
tiêu thụ kịp thời đối với các lô hàng nhập về lưu kho. Điều này dẫn đến việc kinh doanh phân bón năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, thách thức.

Về mặt hàng nông sản (khoai mì lát): việc kinh doanh cũng rất khó, rủi ro cao do lệ thuộc vào các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và vào giá nông sản thay thế (lúa mì, bắp) trên thế giới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái và giá lúa mì rớt từ Nga và Ukraine tràn ngập thị trường cùng với việc Việt Nam chỉ đạt 92% kế hoạch xuất khẩu thủy sản để ra dẫn đến việc các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản không mua khoai mì lát từ giữa năm 2023.



Kết quả kinh doanh của DOCAM trong năm 2023 giảm so với cùng kỳ do bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế nhưng kết quả kinh doanh Công ty đều đạt và vượt các chỉ tiêu quan trọng đề ra. Tổng sản lượng kinh doanh của DOCAM đạt mức 21.359 tấn giảm 14,69% so với năm 2022. Mặc dù sản lượng chỉ đạt 94,51% so với kế hoạch nhưng đây cũng là kết quả khá tích cực và đầy nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức tiêu thụ toàn xã hội đều giảm trong năm qua. Giá phân bón giảm từ đỉnh cùng với việc giảm sản lượng tiêu thụ đã làm cho doanh thu thuần của Công ty trong năm qua chỉ đạt 236.329 triệu đồng, giảm 36,10% so với cùng

kỳ năm trước; tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch doanh thu 23,93% nên việc sụt giảm này vẫn nằm trong sự dự báo của Công ty ngay từ đầu năm. Năm 2021, 2022 giá phân bón đạt đỉnh do thiếu nguồn cung trên thế giới nhưng từ cuối năm 2022 và bước sang năm 2023 giá phân bón bắt đầu sụp giá mạnh, trở lại giá trị thực của nó nên lợi nhuận gộp đi từ phân bón rất thấp. Trong năm 2023, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đều bị giảm tương ứng lần lượt ở mức 73,50% và 73,53% so với cùng kỳ nhưng vẫn vượt 18,41% và 17,93% so với kế hoạch năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông giao.



Danh sách Ban Lãnh đạo

STT	Thành viên	Chức vụ
I. Hội đồng quản trị		
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT
2	Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT không điều hành
II. Ban kiểm soát		
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS
III. Ban Giám đốc		
1	Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc
2	Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban Lãnh đạo năm 2023: không có



Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà
PHAN THỊ ANH THY
Chủ tịch
Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 20/04/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Cử nhân Hóa

Quá trình công tác:

7/1995 - 12/2004	Chuyên viên Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
1/2005 - 2/2008	Phụ trách bộ phận Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
03/2008 - 08/2009	Giám đốc Xí nghiệp Nông sản và Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
09/2009 - 12/2011	Chuyên viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
01/2012 - 07/2013	Phó Trưởng phòng Kinh doanh liên kết Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
08/2013 - 03/2014	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 - 05/2020	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai
04/2014 - 06/2020	Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai
06/2020 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.221.500 cổ phiếu, chiếm 32,215 vốn điều lệ

- » **Đại diện sở hữu** của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 3.210.800 cổ phần, chiếm 32,108% vốn điều lệ
- » **Sở hữu cá nhân:** 10.700 cổ phần, chiếm 0,107% vốn điều lệ

Lý lịch Hội đồng quản trị (tt)

Ông
CAO HÙNG LAI
Phó Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Giám đốc

Ngày sinh: 28/10/1963
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

07/1985 – 04/1994	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty Cà phê Đồng Nai
05/1994 – 12/2004	Chuyên viên, Trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2005 – 02/2010	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – nay	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kế hoạch CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – nay	Phó Giám đốc CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.031.500 cổ phần, chiếm 20,315% vốn điều lệ

- » **Đại diện sở hữu:** của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai : 2.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- » **Sở hữu cá nhân:** 31.500 cổ phần, chiếm 0,315% vốn điều lệ

Bà
NGUYỄN THỊ KIM QUY
Thành viên Hội đồng quản
trị không điều hành

Ngày sinh: 14/02/1981
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật Thương mại

Quá trình công tác:

07/2005 – 03/2012	Viên chức văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất Tp.Biên Hòa
04/2014 – 05/2021	Chuyên viên pháp chế Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
05/2021 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
06/2021 – 12/2022	Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
01/2023 – nay	Quyền Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Quyền Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ

- » **Đại diện sở hữu:** của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai : 2.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- » **Sở hữu cá nhân:** không có

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông
ĐOÀN TUẤN ANH
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 21/12/1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

02/2012 – 05/2020 Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

06/2020 – nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Bà
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 28/10/1991

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

03/2015 – nay Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

04/2019 – nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai

06/2021 – nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

12/2021 – nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- » Thành viên Ban kiểm soát CTCP Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai
- » Thành viên Ban kiểm soát CTCP Chăn nuôi Phú Sơn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Bà
TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC HÒA
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 20/10/1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

06/2009 – 07/2011 Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

10/2009 – 5/2013 Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai

8/2010 – 9/2012 Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Giống cây trồng Đồng Nai

07/2011 – nay Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

03/2010 – nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

4/2011 – nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chăn nuôi Phú Sơn

8/2015 – 11/2017 Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Lothamilk

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- » Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Lý lịch Ban Điều hành

Ông

CAO HÙNG LAI

Phó Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Giám đốc

Đã được trình bày tại

Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự - Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông

NGÔ HUỖNH MINH

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 24/08/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

06/2003 – 03/2004	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Mắt Kính ChuanSheng
03/2004 – 03/2006	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phước Thạnh
03/2006 – 11/2006	Phụ trách Kế toán Công ty Xây dựng Hoàng Phúc Đạt
11/2006 – 03/2008	Phụ trách Kế toán Công ty Y phục Doanh nhân
03/2008 – 04/2009	Trợ lý Kiểm toán Công ty Kiểm toán Vạn An
04/2009 – 02/2010	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – 03/2016	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2016 – 06/2020	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
08/2020 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

- » **Đại diện sở hữu:** không có
- » **Sở hữu cá nhân:** 10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ



TỔNG SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG **36** Tính tại ngày 31/12/2023

Cơ cấu số lượng cán bộ, nhân viên

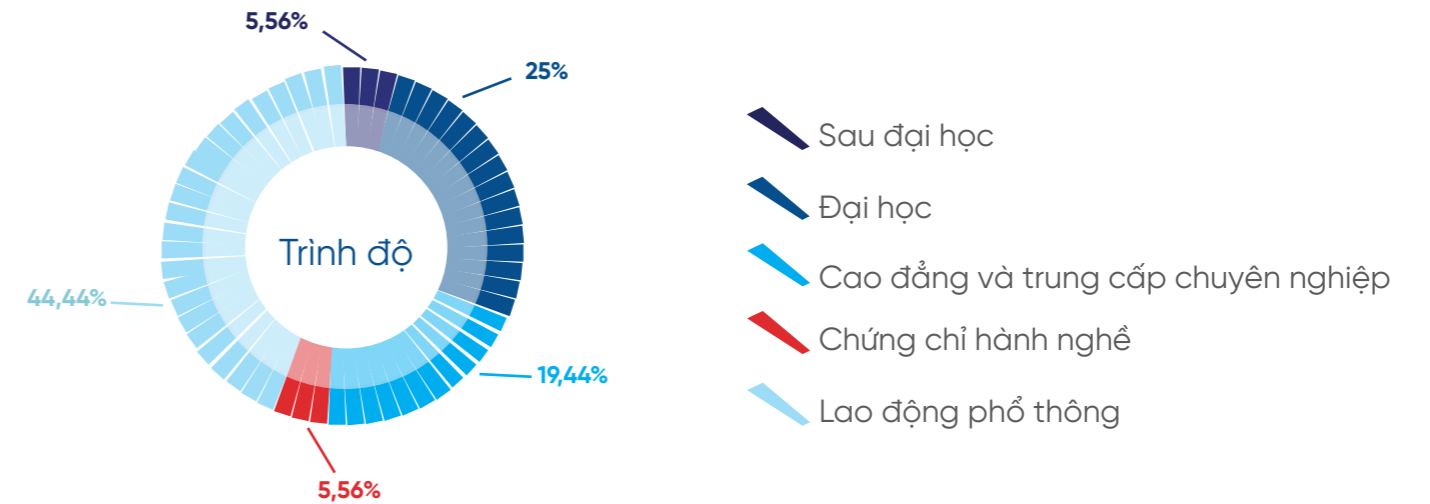
Tại ngày 31/12/2023

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	36	100,00%
1	Sau đại học	2	5,56%
2	Đại học	9	25,00%
3	Cao đẳng	7	19,44%
4	Trung cấp	2	5,56%
5	Chứng chỉ hành nghề + THPT	16	44,44%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	36	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	1	2,78%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	35	97,22%
III	Giới tính	36	100,00%
1	Nam	29	80,56%
2	Nữ	7	19,44%

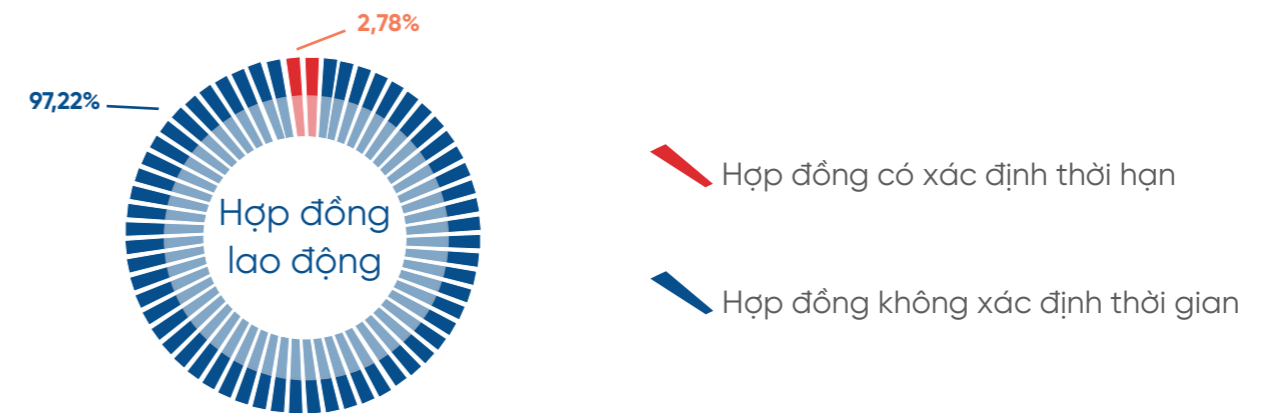
Tiền lương bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	11.121.000	13.416.000	9.717.000

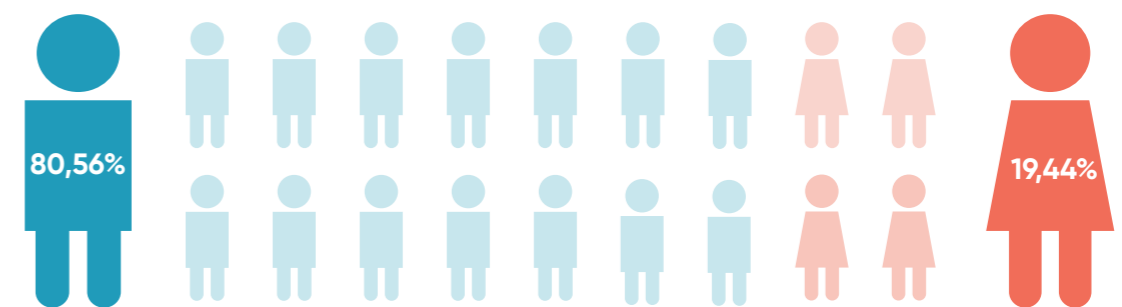
Trình độ



Hợp đồng lao động



Giới tính



Chính sách nhân sự

Môi trường làm việc

Công ty luôn tạo không gian làm việc tích cực cho mỗi nhân sự và xây dựng một văn hóa văn minh nơi mà sự sáng tạo và tinh thần đồng đội được khuyến khích. Mục tiêu hoạt động của DOCAM không chỉ hướng về kết quả công việc mà còn quan tâm hỗ trợ điều kiện phát triển tối đa cho mỗi cá nhân. Bằng cách này, DOCAM khuyến khích sự đa dạng và sự sáng tạo của mỗi người, giúp họ có cơ hội phát triển và đóng góp vào sự thành công chung của công ty. Môi trường làm việc thân thiện với không gian mở đã thúc đẩy sự gắn kết và tương tác tích cực giữa các bộ phận và các quản lý trong Công ty. Ngoài ra, DOCAM luôn chú trọng và tạo ra không khí thoải mái, nơi mà mỗi ý kiến được lắng nghe và đánh giá. Điều này tạo điều kiện cho sự sáng tạo, và sự sẵn sàng chấp nhận ý kiến đa dạng, đồng thời thúc đẩy tinh thần làm việc đồng đội.

Chính sách tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng của DOCAM luôn đề cao tính phù hợp trong công việc, không chỉ thu hút người có kỹ năng tốt mà còn ưu tiên những nhân sự có thái độ làm việc chuyên nghiệp. Nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng và tránh lãng phí nguồn lực thì Công ty luôn chủ động tìm kiếm các ứng viên có sự cam kết lâu dài với công việc. Ngoài ra, chính sách tuyển dụng của DOCAM không chỉ ưu tiên lựa chọn ứng viên có kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp mà còn hướng tới việc nâng cao năng lực của nhân sự trong quá trình làm việc.

Chính sách đào tạo

Nguồn nhân lực được xem là yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển của doanh nghiệp. Thế nên, Công ty không chỉ tập trung vào việc tìm kiếm tài năng mà còn chú trọng vào việc nuôi dưỡng và phát triển tài năng đó. Bằng cách này, công ty không chỉ xây dựng một đội ngũ đầy đủ về kỹ năng mà còn đảm bảo sự chuyên nghiệp và sẵn sàng đối mặt với những thách thức trong môi trường kinh doanh đang thay đổi liên tục. Nhằm đảm bảo trình độ của lực lượng lao động, Công ty luôn cập nhật những kiến thức và kỹ năng chuyên môn mới thông qua các chương trình đào tạo nội bộ hoặc các buổi trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lý, chuyên môn với đội ngũ quản lý cấp trung còn trẻ, có năng lực tiếp thu, đổi mới và sáng tạo để thích ứng linh hoạt với thị trường, trước mắt là về phân bón, nông sản và sản phẩm, lĩnh vực khác có liên quan. Hơn nữa, Công ty còn hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ tay nghề. DOCAM hiểu rằng sự đầu tư vào phát triển nhân sự là một điều cần thiết, không chỉ giúp lực lượng lao động nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo ra giá trị gia tăng lâu dài cho công ty.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Chính sách nhân sự (tt)

Chính sách lương, thưởng

DOCAM luôn chú trọng vào việc xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng một cách công bằng và minh bạch giữa các nhân viên. Chính sách này không chỉ tuân theo quy định của Luật lao động mà còn phản ánh sự cam kết của Công ty về tính công bằng trong công việc và góp phần thúc đẩy năng lực làm việc giữa các nhân viên. Để đảm bảo mức lương phản ánh đúng năng lực và đóng góp của từng nhân viên. Đồng thời, DOCAM cũng thực hiện việc xét nâng lương định kỳ dựa trên kết quả công việc để công nhận và khuyến khích sự phát triển của cả cá nhân và tập thể, những nhân sự có thành tích xuất sắc và có đóng góp quan trọng vào sự thành công của công ty đều sẽ được đánh giá và xét nâng lương một cách công bằng. Minh bạch và rõ ràng là nguyên tắc cơ bản trong quá trình quản lý lương và thưởng tại DOCAM, Công ty có quy định rõ ràng về xử phạt đối với những cá nhân có hành vi ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của công ty. Điều này giúp đảm bảo tính công bằng và trách nhiệm trong việc quản lý nhân sự, đồng thời thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và chuyên nghiệp trong công ty. Chính sách lương, thưởng của DOCAM không chỉ là công cụ để thưởng và khen ngợi nhân viên mà còn là cách thức để tạo động lực và tạo tinh thần làm việc tích cực và sự phát triển bền vững của toàn bộ công ty.

Chế độ phúc lợi và đãi ngộ

Chính sách phúc lợi của DOCAM không chỉ giúp người lao động cân bằng giữa cuộc sống công việc và cá nhân mà còn được quan tâm đặc biệt đến sức khỏe vật chất lẫn tinh thần. Để đảm bảo sức khỏe của cán bộ nhân viên, DOCAM thường xuyên tổ chức các buổi khám sức khỏe định kỳ và cung cấp các gói bảo hiểm y tế, xã hội và bảo hiểm tai nạn 24/24. Điều này giúp nhân viên yên tâm hơn về sức khỏe của mình và của gia đình, đồng thời giảm áp lực tài chính khi phải đối mặt với các vấn đề sức khỏe. Ngoài ra, Công ty DOCAM còn tổ chức các buổi gặp gỡ và giao lưu thông qua các phong trào văn hóa, thể thao và giải trí, cũng như thường xuyên tổ chức các sự kiện như hội thảo, cuộc thi thể thao nội bộ, và các dịp lễ, sinh nhật để tạo ra không khí tích cực và giao lưu giữa các thành viên trong công ty. Quan trọng hơn, DOCAM luôn lắng nghe và tôn trọng góp ý của người lao động. Chính sự chân thành này giúp xây dựng một môi trường làm việc mà mọi người đều được quan tâm. Điều này không chỉ đem lại sự hài lòng mà còn tăng sự gắn bó lâu dài giữa công ty và nhân viên, tạo nên một gia đình nơi mỗi thành viên đều có vai trò và giá trị riêng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Công ty không có khoản đầu tư nào trong năm 2023

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty hiện không có Công ty con hay Công ty liên kết





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Tổng số cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần

» Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần

» Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Tại ngày: 26/09/2023

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	9.999.900	99.999.000.000	99,999
1	Cá nhân	2.239.100	22.391.000.000	22,391
2	Tổ chức	7.760.800	77.608.000.000	77,608
II	Cổ đông nước ngoài	100	1.000.000	0,001
1	Cá nhân	100	1.000.000	0,001
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng (I+II)		10.000.000	100.000.000	100

Cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Công ty TNHH MTV

» Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.210.800 cổ phần

» Tỷ lệ sở hữu: 72,108%



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (*)

(*): Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại Văn bản số 158/UBCK-PTTT ngày 12/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không phát sinh

Giao dịch cổ phiếu quỹ và chứng khoán khác

Không phát sinh



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính

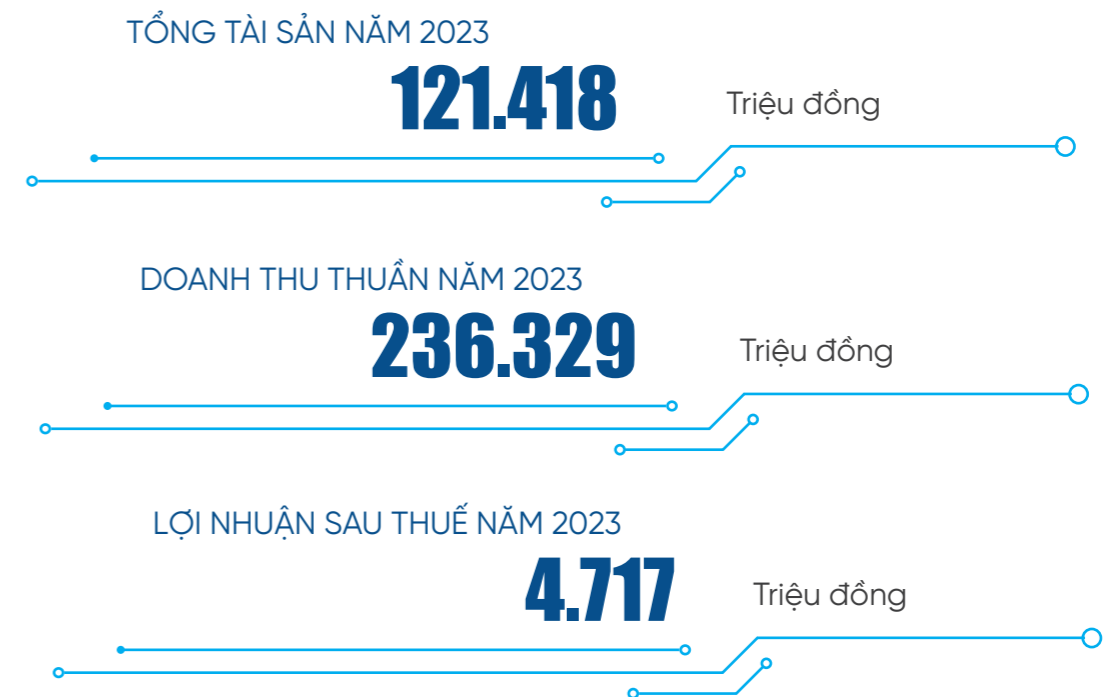
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	129.465	121.418	93,78%
Doanh thu thuần	369.870	236.329	63,90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.441	5.919	26,37%
Lợi nhuận khác	(97,50)	2,04	(2,09%)
Lợi nhuận trước thuế	22.343	5.921	26,50%
Lợi nhuận sau thuế	17.820	4.717	26,47%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	14,5%	3% (*)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	81,37%	63,60%	

(*): Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2023 theo kế hoạch ban đầu dự kiến là 3%; tỷ lệ cổ tức thực hiện sẽ được trình tại ĐHCĐ thường niên năm 2024 xem xét quyết định.



Kinh tế Việt Nam năm 2023 chứng kiến sự phục hồi chậm sau đại dịch Covid-19 do ảnh hưởng từ sự suy thoái kinh tế trên thế giới, do tác động của cuộc xung đột chính trị kéo dài giữa Nga-Ukraine, giao tranh khu vực Trung Đông,... Ngoài ra, hoạt động tiêu dùng và đầu tư trong nước vẫn còn khá yếu khi lạm phát tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao. Điều này tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các công ty trong ngành nói chung và DOCAM nói riêng. Doanh thu thuần của công ty đã giảm 36,1% xuống mức 236.329 triệu đồng do sản lượng tiêu thụ và giá bán phân bón đã giảm trong năm qua. Tuy đã kiểm soát chi phí khá tốt nhưng do lợi nhuận gộp phân bón đã quay lại giá trị thật nên lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều lần lượt giảm 73,63% và 73,53% ở mức 5.919 triệu đồng và 4.717 triệu đồng.



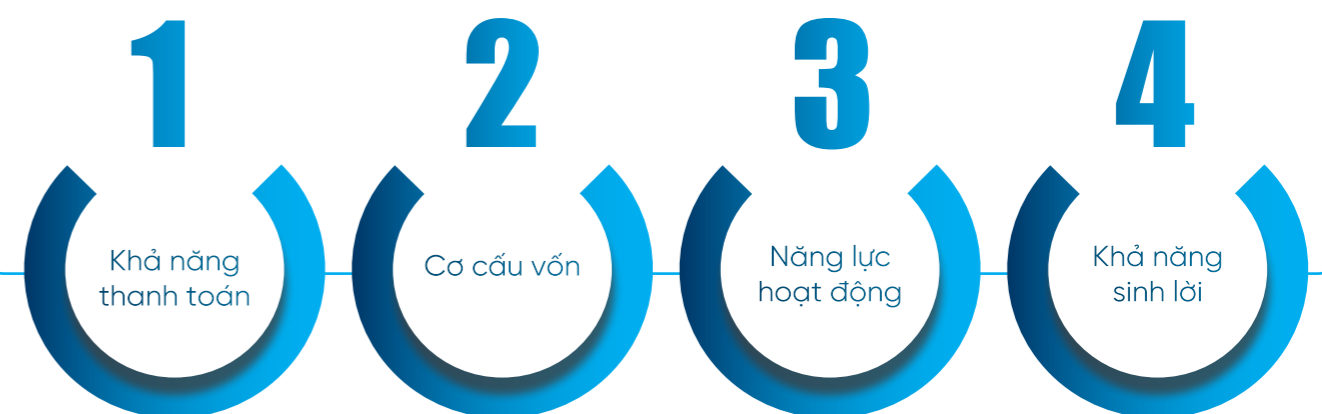


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,29	8,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,81	7,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,90	12,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,51	14,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,96	38,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,89	1,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,82	2,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,54	4,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	13,93	3,76
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,07	2,50

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

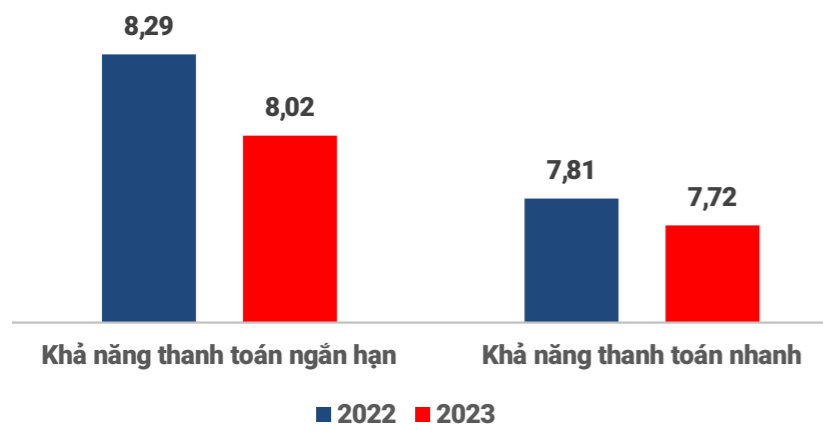




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)



Khả năng thanh toán



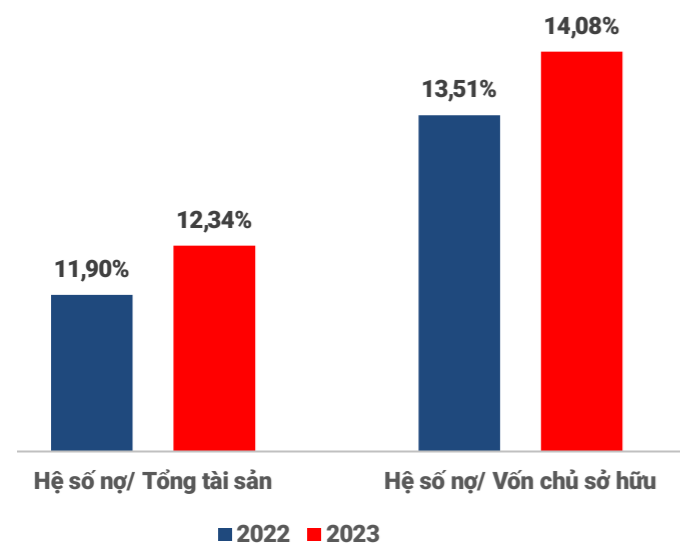
Khả năng thanh toán của DOCAM nhìn chung đã giảm nhẹ trong năm vừa qua nhưng không đáng kể và các hệ số thanh toán vẫn được duy trì ở mức cao nên Công ty có khả năng tự chủ rất tốt và vẫn hạn chế được rủi ro thanh khoản trước tình hình kinh tế khó khăn trong năm vừa qua.

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã giảm nhẹ từ 8,29 lần xuống còn 8,02 lần trong năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn của Công ty đã

giảm 5,92% xuống mức 120,2 tỷ đồng. Mặc dù nợ ngắn hạn của Công ty cũng ghi nhận mức sụt giảm 2,75% xuống còn 14,987 tỷ đồng nhưng Công ty đã cải thiện được việc thu tiền khách hàng và quản lý tốt hàng tồn kho trước bối cảnh nhu cầu tiêu thụ suy yếu trong năm 2023. Bên cạnh đó, khả năng thanh toán nhanh cũng ghi nhận mức giảm nhẹ từ 7,81 lần xuống mức 7,72 lần; nguyên nhân do hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản ngắn hạn giảm khá mạnh với mức 39,45% xuống còn 4,46 tỷ đồng.



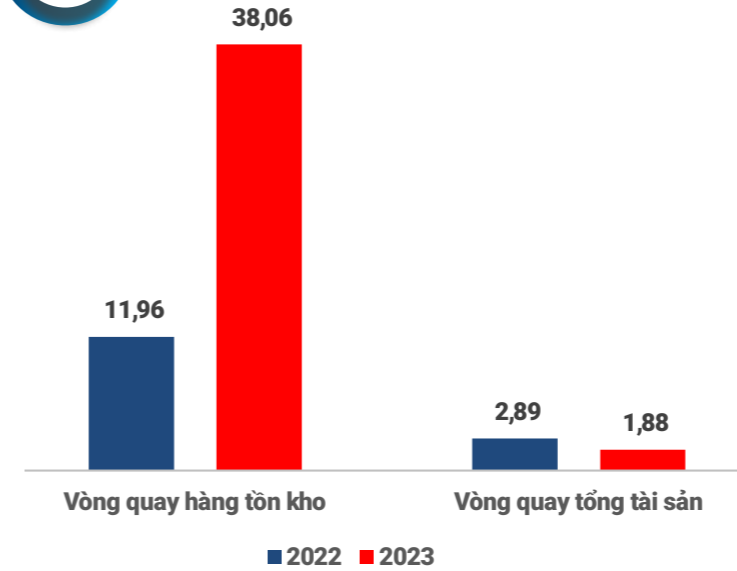
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Trong năm 2023, tỷ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đã tăng không đáng kể từ 11,90% lên 12,34% chủ yếu là nợ mua bán hàng ngày; Công ty không có nợ vay ngắn và dài hạn. Bên cạnh đó, nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu cũng được ghi nhận giảm nhẹ 6,68%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng 0,57% từ mức 13,51% lên 14,08% trong năm 2023. Việc giữ cho vốn chủ sở hữu luôn cao hơn so với khoản nợ phải trả cho thấy khả năng tự chủ tài chính cao của Công ty cũng như khả năng phòng ngừa trước các biến động tài chính trong dài hạn là rất tốt.



Năng lực hoạt động



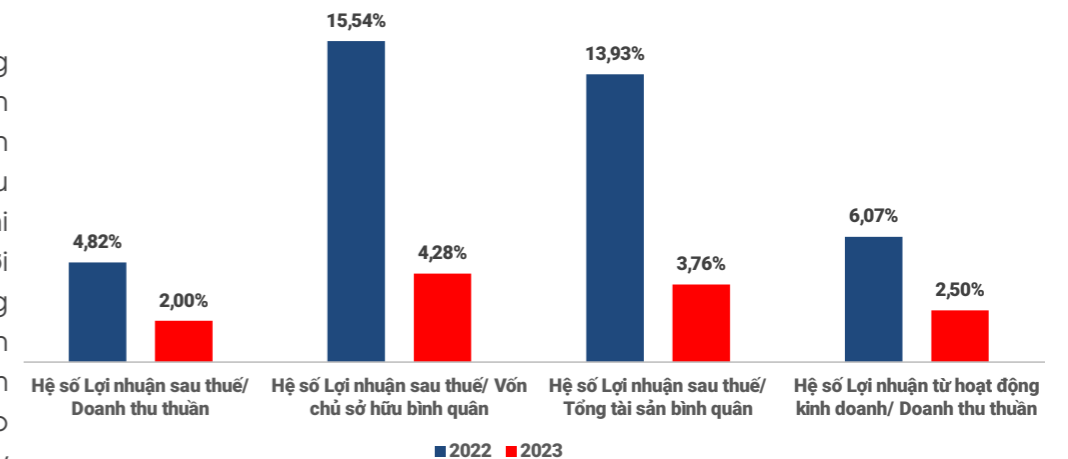
Khả năng tận dụng tài sản để tạo ra doanh thu của DOCAM đã được cải thiện khi các vòng quay đều được duy trì ở mức khá tốt. Đặc biệt là vòng quay hàng tồn kho đã có mức tăng trưởng hơn gấp 3 lần từ mức 11,96 vòng lên 38,06 vòng. Nguyên nhân do sản lượng hàng nhập kho đầu vào trong năm của Công ty đang có xu hướng giảm mạnh liên tục trong vài năm trở lại đây. Thế nên, việc vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh một cách nhanh chóng cho thấy hiệu quả quản lý hàng tồn kho tốt hơn, Công ty chỉ mua hàng vừa đủ với nhu cầu thị trường, tránh tồn kho quá nhiều để gặp rủi ro khi giá

sụp. Điều này đã giúp Công ty giảm chi phí lưu trữ và tăng tính linh hoạt trong việc quản lý nguồn vốn. Tuy nhiên, vòng quay tài sản lại giảm nhưng không đáng kể từ 2,89 xuống mức 1,88 do doanh thu của Công ty đã giảm 36,10% cao hơn mức giảm 6,22% của tổng tài sản chủ yếu do các khoản phải thu và hàng tồn kho đã giảm mạnh trong năm 2023.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Kết quả kinh doanh trong năm 2023 đều ghi nhận mức sụt giảm khá mạnh trong năm qua do nhu cầu tiêu thụ nội địa suy yếu khi nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, kinh tế trong nước trì trệ. Điều này khiến cho doanh thu thuần giảm mạnh, mức sinh lời thấp tính trên doanh thu (quay về mức sinh lời bình thường trước 02 năm đột biến 2021-2022) đã gây ra mức sụt giảm lớn trong lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 4,72 tỷ đồng, giảm 73,53% so với cùng kỳ năm 2022. Do đó, khả năng sinh lời của DOCAM đều giảm mạnh trong năm 2023:



- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 2,00%
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 4,28%
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 3,76%;
- » Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 2,50%.

**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**





Tác động lên môi trường

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai không chỉ hướng tới mục tiêu kinh doanh mà còn chú trọng đến tác động của hoạt động sản xuất đối với môi trường với mục tiêu là xây dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững lâu dài. Một trong những biện pháp cụ thể mà Công ty đã thực hiện để giảm tác động lên môi trường là sử dụng bao bì nhãn dán có thể tái sử dụng và thân thiện với môi trường. Công ty đặt sự chú ý đặc biệt vào việc lựa chọn nguyên liệu và thiết kế bao bì sao cho giảm thiểu lượng rác thải và tối ưu hóa khả năng tái chế. Điều này không chỉ giúp giảm lượng chất thải độc hại mà còn tiết kiệm được nguồn tài nguyên, góp phần vào nỗ lực bảo vệ môi trường tự nhiên. Ngoài ra, DOCAM còn thực hiện việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ công nhân viên về các vấn đề về môi trường. Việc này nhằm lan tỏa thông điệp về bảo vệ môi trường trong Công ty cho các nhân viên thông qua các hành động hằng ngày như: giảm thiểu rác thải, phân loại chất thải,... Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh trong công ty theo định hướng phát triển xanh và bền vững lâu dài



Tiêu thụ năng lượng và nước

Lượng điện năng tiêu thụ trong năm của DOCAM là: **75.620 KWh**

Lượng nước tiêu thụ trong năm của DOCAM lần lượt là: **3.090 m³**

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp luôn hướng đến việc sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng điện và nước vì mục tiêu bảo vệ môi trường. Tuy lượng điện năng và nước tiêu thụ ở mức khá cao nhưng đều được sử dụng một cách hợp lý sao cho tiết kiệm và hiệu quả nhất. Để đảm bảo được điều này, DOCAM đã xây dựng định mức năng lượng tiêu hao dựa trên đặc trưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà không vượt quá các định mức tiêu chuẩn theo quy định, giữ cho lượng tiêu thụ điện và nước ở mức hợp lý, không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn đóng góp vào nỗ lực bảo vệ môi trường. DOCAM còn thường xuyên theo dõi và đánh giá mức tiêu thụ năng lượng của mình, từ đó áp dụng các biện pháp hiệu quả để giảm thiểu lượng năng lượng hao phí không cần thiết mà vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, DOCAM cũng sử dụng các thiết bị công nghệ chất lượng nhằm khai thác tối đa hiệu năng sử dụng, tránh lãng phí năng lượng. Đồng thời, Công ty cũng cập nhật mới các hệ thống và quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa sự tiêu thụ năng lượng, đây cũng được xem là một chiến lược phát triển bền vững trong công ty. Điều này không chỉ giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn mang lại lợi ích kinh tế lâu dài cho công ty. Nhằm đạt được hiệu quả tối đa, DOCAM còn không ngừng nâng cao năng lực của nhân viên về các hoạt động tiết kiệm năng lượng trong quá trình sinh hoạt và sản xuất kinh doanh thông qua các chương trình tuyên truyền, đào tạo nội bộ. Sự chủ động và nhận thức của mỗi cá nhân đều là một phần quan trọng để đạt được mục tiêu tổng thể của công ty trong việc quản lý và giảm tiêu thụ năng lượng.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Kể từ khi thành lập, DOCAM chưa xảy ra bất cứ vi phạm nào liên quan đến môi trường do Công ty luôn cam kết thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Điều này cho thấy tính hiệu quả trong những chính sách về môi trường và xã hội do Công ty xây dựng mang lại hiệu quả rất cao.





Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2023 là **32 người**.
- Tiền lương bình quân đối với người lao động trong năm tài chính 2023 là **9.717.000 đồng/người/tháng**

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp không chỉ hướng đến kết quả kinh doanh mà còn tập trung vào việc quản lý nhân sự sao cho hiệu quả bằng việc đảm bảo an toàn và phúc lợi cần thiết cho người lao động, nhằm tạo ra một môi trường làm việc tích cực. Để đáp ứng sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường và đảm bảo chất lượng nhân sự, DOCAM luôn có kế hoạch đào tạo nội bộ nhằm nâng cao trình độ lao động cho nguồn nhân lực. Bằng cách này, công ty không chỉ tạo cho nhân viên những cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp mà còn đảm bảo sự chuyên nghiệp trong công việc và có thể đáp ứng nhanh chóng với yêu cầu thị trường. Mọi nhân viên đều được cam kết đảm bảo được hưởng các quyền lợi tối thiểu theo đúng quy định của Pháp luật, người lao động đều được ký hợp đồng lao động và được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ để đảm bảo tốt nhất cho sức khỏe vật chất và tinh thần của người lao động. Công ty cũng chú trọng đến các quyền lợi khác như nghỉ phép, bảo hiểm tai nạn, và nhiều chính sách phúc lợi khác nhằm tạo điều kiện làm việc thoải mái và an toàn cho mọi nhân viên. Về cơ chế lương và thưởng, DOCAM luôn duy trì các chính sách lương thưởng một cách hợp lý và phù hợp với năng lực làm việc của người lao động nhằm đảm bảo chất lượng đời sống tốt nhất cho từng nhân viên. Qua đó, công ty mong muốn tạo ra một môi trường làm việc công bằng và minh bạch, khuyến khích sự sáng tạo và đề cao mọi đóng góp của mỗi nhân viên. Bên cạnh đó, sự khuyến khích và đánh giá của Công ty đối với các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc không chỉ giúp nâng cao hiệu quả làm việc mà còn tạo ra sự gắn bó lâu dài và thúc đẩy sự phát triển của mỗi nhân viên.

Hoạt động đào tạo người lao động

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những chính sách được Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Trong năm, các nhân sự mới được tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa truyền thống của Công ty. Dựa trên các báo cáo hiệu quả công tác, vai trò đóng góp của từng nhóm lao động để lập kế hoạch cho các hoạt động của nguồn nhân lực. Thông qua đó, người lao động được định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, vừa cùng hướng đến mục tiêu hoạt động chung của Công ty vừa nâng cao lợi ích cá nhân của người lao động.



Báo cáo liên quan tới trách nhiệm với cộng đồng địa phương

DOCAM hiểu rằng sự phát triển ổn định của cộng đồng là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty và để thể hiện cam kết của mình đối với cộng đồng, DOCAM đã thường xuyên vận động cán bộ công nhân viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng như hiến máu tình nguyện, hỗ trợ các gia đình khó khăn và chăm lo cho đời sống của công nhân tại địa phương. Những hoạt động này không chỉ mang lại ảnh hưởng tích cực cho cộng đồng mà còn tạo ra tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội trong đội ngũ nhân sự của công ty. Việc xây dựng mối quan hệ tích cực và bền vững với cộng đồng không chỉ là trách nhiệm của DOCAM mà còn là một cột mốc trên chặng đường phát triển của Công ty.



Báo cáo liên quan đến hoạt động tại thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai hiện chưa có hoạt động nào liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty cam kết thực hiện hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), nhằm đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của công ty không chỉ đáp ứng yêu cầu pháp luật mà còn hướng tới sự phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường. DOCAM liên tục theo dõi và cập nhật thông tin từ UBCKNN liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Ngoài ra, DOCAM sẽ tiến hành nghiên cứu và thực hiện đúng các văn bản ban hành của UBCKNN, đặc biệt là những văn bản liên quan đến hoạt động sản xuất xanh và sự phát triển bền vững. Công ty không chỉ xem xét chính sách vốn xanh từ góc độ tuân thủ pháp luật mà còn đặt mục tiêu hướng tới những hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đến môi trường và xã hội.





3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI



Vị thế vững chắc

Với trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, DOCAM đã xây dựng được hình ảnh và uy tín vững chắc trong mắt người tiêu dùng. Sự am hiểu sâu sắc về thị trường, quy trình sản xuất, và mối quan hệ với đối tác là những điểm mạnh đã giúp công ty duy trì sự ổn định và phát triển bền vững qua thời gian.



Tài chính bền vững

Tình hình tài chính lành mạnh của Công ty cũng là một ưu điểm lớn khi vốn chủ sở hữu chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản, rủi ro vỡ nợ thấp và nền tảng nguồn vốn tốt, tạo điều kiện cho việc vay vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi. Điều này không chỉ giúp DOCAM thuận lợi mở rộng hoạt sản xuất kinh doanh mà còn củng cố được uy tín trong cộng đồng kinh doanh và tài chính.



Nguồn lực hỗ trợ lớn

Công ty nhận được sự hỗ trợ lớn từ công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, đồng thời cũng là cổ đông lớn nhất, cũng đóng góp vào sự thành công của DOCAM. Điều này cũng giúp Công ty trong việc đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn, giúp DOCAM có được lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay.



Đường lối dẫn dắt hợp lý của Ban lãnh đạo

Chính sách kinh doanh hợp lý của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cùng với sự cam kết và nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành những chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra. Sự hiệu quả trong quản lý và triển khai chiến lược giúp DOCAM không chỉ tồn tại mà còn phát triển mạnh mẽ hơn trong bối cảnh thị trường đầy biến động như hiện nay.

KHÓ KHĂN



Tình hình kinh tế khó khăn

Suy thoái kinh tế trên thế giới, sự trì trệ kinh tế trong nước, xung đột địa chính trị giữa các Châu lục ngày càng lan rộng đã tạo ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đối với Công ty. Ngoài ra, giá bán phân bón đã có xu hướng giảm xuống từ cuối năm 2022 kéo dài cho đến nay, điều này góp phần làm giảm doanh thu bán hàng của Công ty. Việc giữ vững thị phần và duy trì lợi nhuận ổn định trở nên đầy thách thức trong bối cảnh này.



Mùa vụ không thuận lợi

Một trong những mặt hàng chính của công ty là khoai mì lát đang đối mặt với nhiều thách thức. Với vụ mùa ngắn, sự cạnh tranh từ một số mặt hàng thay thế như lúa mì, bắp khiến Công ty đối diện với rủi ro cao. Biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn cho các công ty kinh doanh phân bón nói chung và Docam nói riêng.



Biến động giá

Giá phân bón đang giảm mạnh trong khi nguồn cung phân bón dư thừa, sức tiêu thụ chậm và yếu, đặt ra thách thức lớn về tài chính và rủi ro thua lỗ cho công ty nếu mua hàng nhập kho không bán ra kịp với đà rớt giá. Tình hình kinh tế vĩ mô khó khăn, sức mua yếu từ thị trường và áp lực tài chính đến từ các đại lý cấp 1 đang làm giảm giá bán của sản phẩm.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

DOCAM

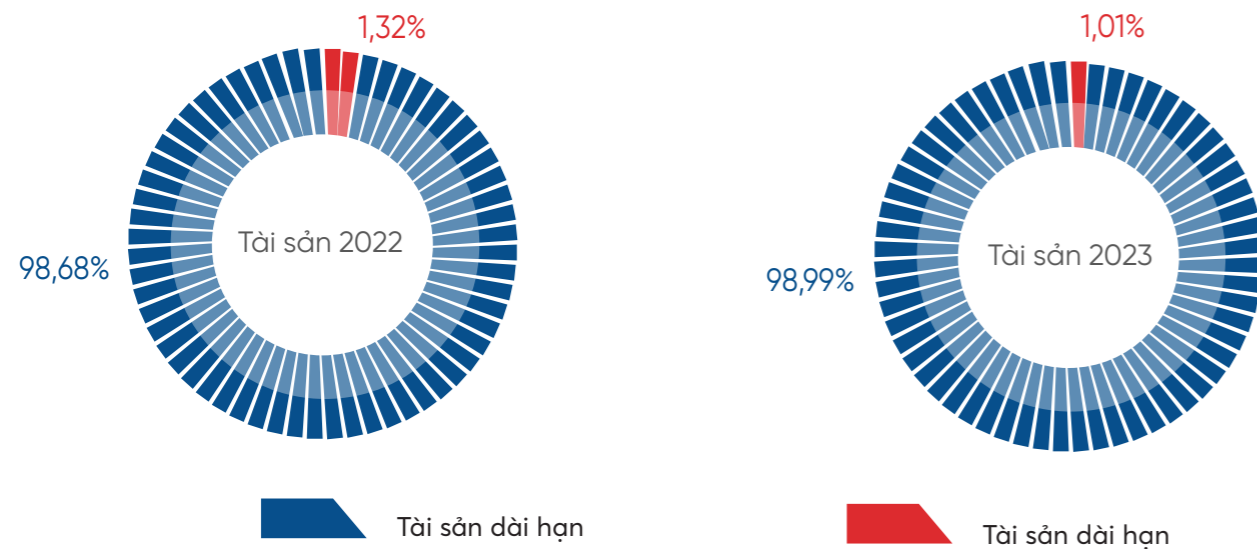
- » Năm 2023, tuy chịu ảnh hưởng từ tình hình kinh tế khó khăn chung nhưng cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể: doanh thu thuần đạt 236,33 tỷ đồng, vượt 23,93% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 4,72 tỷ đồng, vượt 17,93% so với kế hoạch. Dự kiến cổ tức năm 2023 cao hơn mức kế hoạch được giao.
- » Duy trì vị thế cạnh tranh và giữ vững được thị phần, đặc biệt là các mặt hàng phân bón có ưu thế.
- » Bảo toàn được vốn chủ sở hữu, cơ cấu nguồn vốn hợp lý và tình hình tài chính lành mạnh để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh thương mại trong thời gian tới.
- » Đời sống vật chất và tinh thần người lao động ngày càng được nâng cao.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	127.753	98,68%	120.195	98,99%	94,08%
Tài sản dài hạn	1.712	1,32%	1.223	1,01%	71,43%
Tổng tài sản	129.465	100,00%	121.418	100,00%	93,78%



Kết thúc năm 2023, tổng tài sản của DOCAM đạt 121.418 triệu đồng, giảm 6,22% so với năm 2022. Trong đó, tỷ trọng tài sản vẫn không có thay đổi gì đáng kể khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao 98,99% so với tài sản dài hạn là 1,01%. Cơ cấu tài sản này phù hợp với đặc điểm kinh doanh thương mại của công ty.

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn cuối năm 2023 là 98,99% so với năm 2022 là 98,68%; tài sản ngắn hạn năm 2023 giảm 5,92% so với năm 2022 đạt 120.195 triệu đồng. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn đã chứng kiến mức sụt giảm giảm khá lớn với 28,57% xuống còn 1.223 triệu đồng, nguyên nhân chính do khấu hao thiết bị, máy móc trong năm làm giá trị tài sản cố định của Công ty giảm xuống. Tuy nhiên mức sụt giảm này không ảnh hưởng nhiều đến biến động tài sản của Công ty do tỷ trọng tài sản dài hạn là rất nhỏ so với tổng tài sản cuối năm 2023.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	15.411	100,00%	14.987	100,00%	97,25%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	15.411	100,00%	14.987	100,00%	97,25%

Kết thúc năm 2023, tổng nợ phải trả của Công ty là 14,987 tỷ đồng, giảm 2,75% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đến hoàn toàn từ sự sụt giảm của nợ ngắn hạn do tất cả các khoản nợ phải trả đều là nợ ngắn hạn khi Công ty không có khoản nợ dài hạn nào.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Công ty đặt ra mục tiêu hoàn thiện và nâng cao chất lượng cho bộ máy tổ chức thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, đồng thời công ty cũng sẽ tăng cường sự linh hoạt trong quy trình làm việc để gia tăng hiệu suất công việc.



Việc duy trì các chính sách đào tạo cho lực lượng lao động là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của công ty. Bằng cách này, công ty đảm bảo rằng nhân sự của mình luôn được cập nhật những kiến thức mới về nghề và nâng cao được trình độ chuyên môn, kỹ năng, từ đó tạo ra một đội ngũ làm việc chất lượng cao. Công ty cũng khuyến khích sự tiến bộ và thúc đẩy cạnh tranh tích cực trong công việc không chỉ giúp nâng cao sự tiến bộ cho nhân viên mà còn thúc đẩy được tinh thần làm việc.



Theo dõi, nghiên cứu tình hình thị trường và đưa ra những giải pháp cải tiến sản phẩm được xem là một chiến lược kinh doanh quan trọng của Công ty để có thể nhanh chóng nhận diện và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.



Căn cứ và tình hình nội tại và những dự báo về thị trường, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	20.000
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	180.350
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.700
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.760

Các giải pháp cơ bản

Phân bón và nông sản vẫn là 02 mặt hàng cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, bên cạnh đó vẫn tiếp tục duy trì hoạt động dịch vụ cho thuê kho (nhàn rỗi) và dịch vụ khác để bổ sung nguồn thu cho công ty. Tuy nhiên, kinh doanh phân bón và nông sản (khoai mì lát) vẫn sẽ tiếp tục gặp rất nhiều thách thức và khả năng sụt giảm sản lượng tiêu thụ có thể sẽ tiếp diễn trong năm 2024.

Phân bón: Ngoài việc duy trì, thực hiện các giải pháp kinh doanh phân bón như năm trước, trong năm 2024, Công ty chủ trương tiếp tục hợp tác với Công ty chuyên ngành hóa chất/phân bón để mua bán phân bón, mở rộng đối tượng, thị trường tiêu thụ, chú trọng vào các loại phân bón mà Docam có ưu thế. Đối với phân bón thông thường khác, Công ty áp dụng chính sách mua nhập kho từng đợt và hạn chế tồn trữ. Đối với phân NPK cao cấp/đặc chủng, Công ty có thể xem xét nhập khẩu để cung ứng cho thị trường chuyên biệt. Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu phân bón khi có cơ hội.

Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế. Tiếp tục mua bán nông

sản (khoai mì) song có điều chỉnh phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế. Hình thức kinh doanh mì lát năm 2024 chủ yếu là mua ngay bán ngay và bán kỳ hạn khi có cơ hội. Cho đến thời điểm báo cáo, Công ty không thực hiện được hình thức mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản do các Nhà máy không ký hợp đồng kỳ hạn, nên Công ty phải tiếp tục theo sát diễn biến thị trường để có biện pháp kịp thời cho kinh doanh nông sản trong tình hình mới (kể cả xuất khẩu mì làm cồn nếu có cơ hội). Tìm kiếm cơ hội kinh doanh các mặt hàng nông sản khác (cao su, cà phê,..) khi có cơ hội.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động dịch vụ cho thuê kho thời vụ ngắn hạn để bổ sung nguồn thu, tránh lãng phí cơ sở vật chất.

Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt.

Củng cố lại bộ máy, đội ngũ nhân sự và hệ thống phân phối phù hợp với tình hình thực tế thị trường theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả. Tập trung quản trị vốn được giao nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty và cổ đông.

Kế hoạch đầu tư

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch đầu tư xây dựng trong năm 2024.

Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Không có



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch kinh doanh

Nhận định năm 2024 tiếp tục sẽ là năm cực kỳ khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh phân bón, nông sản nói riêng nên chủ trương của Công ty là sẽ thận trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ưu tiên chỉ tiêu lợi nhuận để bảo toàn vốn, không chạy theo doanh thu, số lượng để dẫn đến rủi ro.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty không chỉ tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của Nhà nước mà còn đưa ra các chiến lược, kế hoạch thúc đẩy hoạt động hướng đến môi trường như: tái chế rác thải, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường với cộng đồng,... Bên cạnh đó, việc triển khai các biện pháp trong sản xuất và vận chuyển để giảm thiểu khí nhà kính, phát thải và rủi ro gây ô nhiễm cũng là một trong những hoạt động quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhằm tạo

ra một môi trường làm việc xanh bằng cách sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, Công ty đã giảm sử dụng giấy và khai thác nhiều hơn nguồn năng lượng tái tạo cùng với việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong từng hoạt động hàng ngày cho nhân viên.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã đạt được những kết quả tích cực trong việc quản lý cũng như nâng cao trình độ cho người lao động. Chính sách lợi ích và chế độ đãi ngộ được thiết lập nhằm đảm bảo sự công bằng và minh bạch cho mọi người lao động khi kết quả của mọi người đều được ghi nhận và khen thưởng. Bên cạnh đó, công tác thi đua khen thưởng cũng được thực hiện một cách tích cực, sôi nổi, giúp tạo thêm động lực làm việc và khuyến khích phát triển bản thân, giúp nâng cao tinh thần làm việc. Công ty luôn ưu tiên sức khỏe cho người lao động lên hàng đầu cả về mặt thể chất lẫn tinh thần, khi luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi và an toàn cho người lao động. Nhân sự làm việc tại DOCAM luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ và thiết bị để đáp ứng nhu cầu công việc.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Nhận thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương là một phần quan trọng của sứ mệnh kinh doanh khi đây là một yếu tố quan trọng để hướng đến sự phát triển bền vững. DOCAM đã tích cực hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương để kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn của địa phương và góp phần vào sự phát triển của cộng đồng. Công ty luôn tích cực hưởng ứng và tham gia vào các phong trào, sự kiện được tổ chức tại địa phương nhằm hỗ trợ tài chính và vật chất cho các hoạt động xã hội, văn hóa, và thể thao nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng xa hội phát triển đồng đều và lành mạnh.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn chung của khu vực và thế giới thì công tác quản trị tại DOCAM càng được Hội đồng quản trị đặc biệt chú trọng để đảm bảo Công ty luôn được hoạt động liên tục và bền vững.

Năm tài chính 2023, Hội đồng quản trị đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.



VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động của DOCAM đã cùng nhau nỗ lực hết mình để vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh và tạo sự tăng trưởng cho Công ty. Do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, doanh thu năm 2023 của Công ty đã giảm 36,1% so với năm 2022; nguyên nhân chính là do nhu cầu phân bón trên thị trường giảm

mạnh, cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành nhưng quan trọng hơn cả đó là do giá phân bón đã dẫn trở lại giá thật sau gần 02 năm đạt đỉnh do sự đứt gãy chuỗi cung ứng. Sau hai năm liên tiếp (2021- 2022) Công ty đạt mức lợi nhuận khá cao, kết quả kinh doanh năm 2023 đã quay trở lại quỹ đạo như trước dịch Covid-19 với mức sinh lợi thấp.

Mặc dù kết quả kinh doanh đã giảm so với năm trước do khó khăn kinh tế và thị trường phân bón nêu trên, với nỗ lực cao nhất, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó, cụ thể:

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch ĐHCĐ giao phó, cụ thể:

- » Doanh thu thuần đạt 236,33 tỷ đồng, vượt 23,93% kế hoạch, giảm 36,10% so với năm 2022
- » Lợi nhuận trước thuế đạt 5,92 tỷ đồng, vượt 18,41% kế hoạch, giảm 73,50% so với năm 2022
- » Lợi nhuận sau thuế đạt 4,72 tỷ đồng, vượt 17,93% kế hoạch, giảm 73,53% so với năm 2022



VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm đối với môi trường luôn là vấn đề mà DOCAM chú trọng, trong năm vừa qua công ty đã thực hiện những chính sách về môi trường để không chỉ giữ gìn vệ sinh cho môi trường làm việc mà còn góp phần cải thiện điều kiện tự nhiên cho xã hội cộng đồng. Các chính sách này không chỉ là cam kết của DOCAM với trách nhiệm về môi trường, mà còn là một phần quan trọng của chiến lược phát triển bền vững của công ty.



VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ

Với sự nỗ lực để đối mặt với những thách thức từ bất ổn kinh tế - chính trị và biến động trong ngành phân bón và nông sản, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tích cực tìm tòi giải pháp sáng tạo và thích ứng linh hoạt để duy trì hoạt động kinh doanh trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn trong năm 2023. Công ty luôn duy trì tinh minh bạch và tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của công ty. Điều này tạo ra cho Công ty một môi trường quản lý đáng tin cậy và củng cố được niềm tin từ phía các đối tác liên quan.

Ứng sản phẩm. Công ty vẫn đảm bảo được hiệu quả công việc và duy trì được chất lượng sản phẩm mặc dù trong bối cảnh môi trường kinh doanh khó khăn.

HĐQT đánh giá cao công tác quản lý sản xuất kinh doanh, DOCAM đã đảm bảo được sự ổn định trong quá trình kinh doanh và cung

HĐQT còn quan tâm đến an toàn lao động và sức khỏe của nhân viên, đảm bảo người lao động được cung cấp đầy đủ các tiện nghi vật chất cơ bản để có thể yên tâm thực hiện công việc. Bên cạnh đó, các biện pháp an toàn đã được triển khai một cách nhanh chóng và hiệu quả, giữ cho môi trường và điều kiện làm việc an toàn. Việc thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo và trách nhiệm trong quản lý và điều hành, đặc biệt là trong bối cảnh khó khăn. Điều này tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của công ty trong tương lai.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Với những kết quả đạt được trong năm 2023, một năm đầy bất ổn về kinh tế - chính trị thế giới và biến động trong ngành phân bón và nông sản, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đã tổng kết, thảo luận và đánh giá hiệu suất của công ty. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận giảm nhiều so với năm 2022, nhưng Ban Điều hành đã thể hiện sự nỗ lực đáng kể và hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2023 với kết quả đầy khích lệ và đáng được ghi nhận.



Ban Điều hành không chỉ tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty mà còn đảm bảo tính minh bạch và chất lượng trong quản lý, điều hành. Các biện pháp và quyết định hợp lý đã giúp Công ty vượt qua những thách thức khó khăn trong môi trường kinh doanh khắc nghiệt.



Trong lĩnh vực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Điều hành đã làm việc hiệu quả để đảm bảo sự ổn định trong quá trình sản xuất kinh doanh và giữ cho môi trường làm việc của nhân viên tốt nhất có thể và đồng thời giữ vững trách nhiệm với cộng đồng. Công ty đã tiếp tục đóng góp vào việc duy trì và ổn định việc làm trong môi trường kinh tế khó khăn. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng đã đặc biệt chú trọng đến an toàn và sức khỏe của nhân viên. Việc duy trì các tiêu chuẩn an toàn theo luật Lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động đã giúp bảo vệ cộng đồng lao động của công ty trong bối cảnh đầy thách thức như hiện nay.



Nhìn chung, sự cam kết từ Ban Điều hành đã tạo nên một bức tranh tích cực về hoạt động kinh doanh và trách nhiệm xã hội của Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai trong năm 2023. Điều này là một động lực mạnh mẽ để tiếp tục cải thiện và phát triển trong thời gian tới.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty. Đặt mục tiêu an toàn, hiệu quả, không chạy theo doanh thu, số lượng để dẫn đến rủi ro cao trong năm 2024;



Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế. Tiếp tục mua bán nông sản (khoai mì) song có điều chỉnh phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế. Hình thức kinh doanh mì lát năm 2024 chủ yếu là mua ngay bán ngay và bán kỳ hạn khi có cơ hội. Cho đến thời điểm báo cáo, Công ty không thực hiện được hình thức mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản, nên Công ty phải tiếp tục theo sát diễn biến thị trường để có biện pháp kịp thời cho kinh doanh nông sản trong tình hình mới. Tìm kiếm cơ hội kinh doanh các mặt hàng nông sản khác (cao su, cà phê,..) khi có cơ hội.



Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cố gắng phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã đề ra.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành



Trong năm 2023, trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành doanh nghiệp đều báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo kế hoạch (kinh doanh nông sản, phân bón); việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; đề xuất các nội dung trình HĐQT xem xét.



Ngoài người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trực tiếp quản lý, điều hành công ty, một thành viên trong Ban điều hành (Phó Giám đốc) cũng đồng thời là thành viên HĐQT đều có báo cáo cụ thể phần việc được phân công trong các cuộc họp HĐQT. Đối với một thành viên HĐQT không điều hành là người đại diện phần vốn Công ty mẹ, chịu trách nhiệm cùng giám sát hoạt động của Ban Điều hành để đảm bảo không đi chệch mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty. Do đó, tất cả hoạt động của Ban điều hành được giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng quy định theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2023, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp bao gồm cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phan Thị Anh Thy	7/7	100%	-
2	Ông Cao Hùng Lai	7/7	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Kim Quy	7/7	100%	-

Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT: không có

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có

Nội dung các Nghị quyết/Quyết định/Biên bản của HĐQT năm 2023

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	Biên bản họp HĐQT	16/01/2023	Biên bản họp HĐQT, thông qua các nội dung: Thông qua và ban hành Quy chế công bố thông tin của CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Thông qua giao dịch giữa CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai với CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai và CTCP Cao su Nông nghiệp.	100%
2	33/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết HĐQT v/v thông qua giao dịch giữa CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai với CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai và CTCP Cao su Nông nghiệp (là các Công ty con trong Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai)	100%
3	34/NQ-HĐQT	16/01/2023	Nghị quyết HĐQT về việc chấp thuận bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
4	35/QĐ-HĐQT	16/01/2023	Quyết định của HĐQT v/v bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
5	36/QĐ-HĐQT	16/01/2023	Quyết định HĐQT v/v ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty.	100%
6	Biên bản HĐQT	22/03/2023	Biên bản họp HĐQT Quý I/2023, nội dung: Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2022 trình ĐHCĐ. Các giải pháp thực hiện Kế hoạch năm 2023 Báo cáo thực hiện SXKD quý I và dự kiến một số công việc quý II/2023 Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2023. Các công việc khác thuộc thẩm quyền	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
7	37/QĐ-HĐQT	22/03/2023	Nghị quyết HĐQT về việc gia hạn và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
8	Biên bản HĐQT	11/05/2023	Biên bản họp HĐQT, nội dung: Rà soát các công tác chuẩn bị họp ĐHCĐ Báo cáo bước thực hiện SXKD 06 tháng đầu năm 2023; Một số công việc chủ yếu trong thời gian tới.	100%
9	Biên bản HĐQT	26/06/2023	Biên bản họp HĐQT quý II/2023 nội dung: Báo cáo kết quả SXKD đến hết quý II/2023; Bàn triển khai nhiệm vụ quý III thời gian tới. Phân bổ tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng – phúc lợi Người lao động 2022	100%
10	38/NQ-HĐQT	26/06/2023	Nghị quyết HĐQT về việc phân bổ tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi người lao động năm 2022	100%
11	Biên bản HĐQT	05/09/2023	Biên bản họp HĐQT quý III/2023, nội dung: Thông qua KQ hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2023, ước TH quý 3 và triển khai công tác quý 4. Chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức năm 2022 theo NQ ĐHCĐ Thảo luận về vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD trong 12 tháng và nội dung khác thuộc thẩm quyền	100%
12	NQ số 10.2023/ NQ-HĐQT	04/07/2023	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 04/07/2023.	100%
13	NQ số 11.2023/ NQ- HĐQT	08/08/2023	Về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
14	NQ số 12.2023/ NQ-HĐQT		Về phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
15	Biên bản họp HĐQT	23/11/2023	Biên bản họp HĐQT quý IV/2023: (1) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đến hết quý III/2023; một số hoạt động chủ yếu trong quý IV/2023. (1) Xây dựng chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. (2) Thảo luận, chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.	100%
16	41/NQ-HĐQT	23/11/2023	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty	100%



Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Ngày Từ nhiệm
1	Ông Đoàn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	26/06/2020	
2	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	26/06/2020	
3	Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát	17/12/2021	

Hoạt động của ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông



Ban kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Trong năm 2023, ngoài việc tham gia họp, giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban Kiểm soát đã tổ chức 01 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định BCTC năm 2022. Đầu quý III, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp thứ 2 với nội dung chính là thẩm định số liệu BCTC 6 tháng năm 2023. Đồng thời BKS cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.



Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và việc tuân thủ các quy định pháp luật. Các hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện tốt hơn. Trước khi tiến hành cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát đều có thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành được biết và hỗ trợ trong việc bố trí nơi họp, cung cấp hồ sơ, chứng từ và nhân sự tham gia.



Hoạt động của ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông



Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

- » Các thông báo mời họp và tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- » Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời với thời điểm gửi Ban Điều hành theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Công ty;
- » Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023 trình ĐHĐCĐ, HĐQT đã phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế quản trị và Điều lệ Công ty

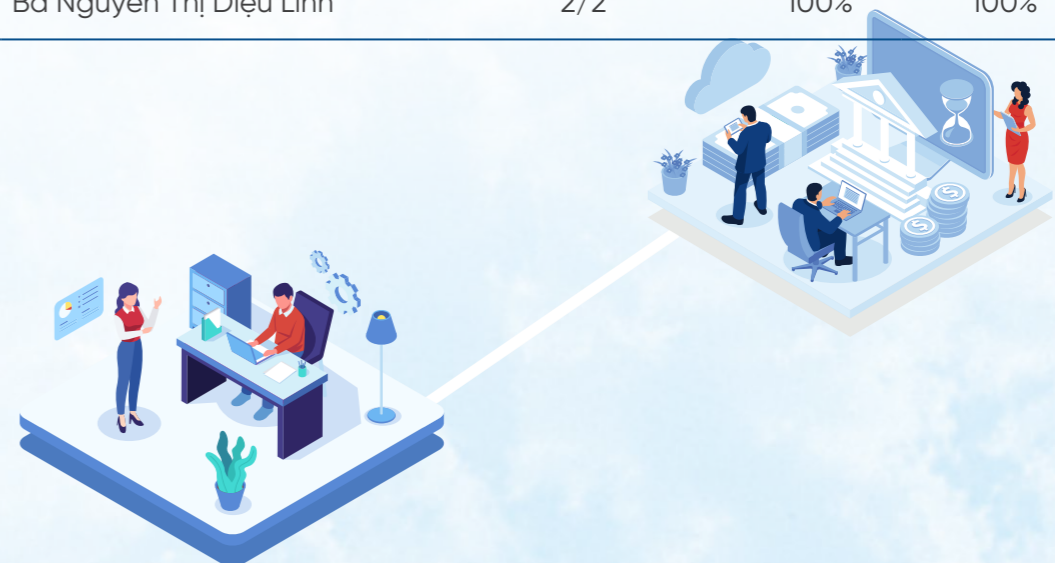


Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong mối quan hệ đối với HĐQT:

- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Trong các cuộc họp của BKS, nếu cần thiết, BKS đề nghị/ yêu cầu thành viên HĐQT và Ban điều hành tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm; kể cả phối kết hợp với thành viên kiểm toán viên độc lập trong việc giám sát báo cáo tài chính năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty;

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đoàn Tuấn Anh	2/2	100%	100%	-
2	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	2/2	100%	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	2/2	100%	100%	-





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Tổng lương	Tổng thù lao	Tổng thu nhập
I. Hội đồng quản trị				
Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	529.178.122	-	529.178.122
Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
II. Ban kiểm soát				
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS	241.771.763	-	241.771.763
Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
III. Ban Giám đốc				
Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc	380.815.190	-	380.815.190
Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	324.995.972	-	324.995.972

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Không phát sinh

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị Quyết. Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Cùng chịu chung một sự kiểm soát của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	3600298954 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2008 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2023 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp - Nơi cấp: Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cấp	Đường 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Từ 16/01/2023 đến 04/05/2023	Mua hàng 2.495,62 tấn khoai mì và phí cân xe. Tổng giá trị giao dịch 16.518.235.288 đồng

Ghi chú: số Giấy NSH* : số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối cá tổ chức)/NSH.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Việc quản trị trong Công ty Cổ Phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai luôn được xem là ưu tiên hàng đầu và được thực hiện một cách chặt chẽ theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của công ty. Điều này nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích của cổ đông và các nhà đầu tư. Việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và rõ ràng cũng được đặc biệt chú trọng để đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh.



Ban lãnh đạo của DOCAM không ngừng nỗ lực hoàn thiện bộ máy quản trị, đảm bảo phù hợp với bản sắc và giá trị cốt lõi của Công ty. Đồng thời, việc nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên trong Ban lãnh đạo cũng được đặc biệt chú trọng, nhằm đảm bảo hoạt động quản trị mang lại hiệu quả cao nhất.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 308/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.194.763.251	127.753.490.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.215.256.869	8.204.387.477
1. Tiền	111		4.715.256.869	8.204.387.477
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		99.000.000.000	108.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	99.000.000.000	108.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		399.036.189	3.494.319.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.347.833.578	6.447.956.666
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.246.286	34.192.206
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		236.786.648	296.274.397
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(4.225.830.323)	(3.284.103.869)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	4.464.589.892	7.373.240.760
1. Hàng tồn kho	141		4.464.589.892	8.317.018.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(943.778.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.880.301	181.542.449
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.880.301	181.542.449
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.222.802.114	1.711.914.538
I. Tài sản cố định	220		538.659.668	980.104.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	538.659.668	980.104.154
Nguyên giá	222		27.186.129.977	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.647.470.309)	(26.206.025.823)
II. Tài sản dài hạn khác	260		684.142.446	731.810.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	663.655
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	684.142.446	731.146.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		121.417.565.365	129.465.404.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.987.075.881	15.411.208.607
I. Nợ ngắn hạn	310		14.987.075.881	15.411.208.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	2.946.117.648	595.367.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.371.160.725	684.826.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	725.330.391	481.619.655
4. Phải trả người lao động	314	4.9	2.287.351.660	2.895.737.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.545.197.355	3.528.816.984
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		108.000.000	224.976.372
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.752.554.625	6.241.065.636
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	2.251.363.477	758.798.580
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.430.489.484	114.054.196.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	106.430.489.484	114.054.196.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.862.481.579	13.486.188.112
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.145.188.112	165.294.154
LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.717.293.467	13.320.893.958
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		121.417.565.365	129.465.404.624



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kê toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	236.329.402.238	369.870.327.538
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		236.329.402.238	369.870.327.538
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	225.286.622.507	332.427.852.959
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.042.779.731	37.442.474.579
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.520.167.446	4.649.584.477
6. Chi phí tài chính	22		512.711.983	328.670.306
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>493.797.668</i>	<i>86.015.390</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.841.426.719	12.360.810.115
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.290.228.014	6.961.209.805
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.918.580.461	22.441.368.830
10. Thu nhập khác	31		2.036.372	82.498.617
11. Chi phí khác	32		-	180.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		2.036.372	(97.501.383)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.920.616.833	22.343.867.447
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.156.319.083	5.254.120.218
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	47.004.283	(731.146.729)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.717.293.467	17.820.893.958
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.3	361	1.548
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	361	1.548

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kê toán trưởng

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.920.616.833	22.343.867.447
2. Điều chỉnh cho các khoản:		5.6		
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		441.444.486	469.457.038
Các khoản dự phòng	03		(2.051.701)	498.244.243
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	235.021.416
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.225.690.613)	(4.394.891.010)
Chi phí lãi vay	06		493.797.668	86.015.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(371.883.327)	19.237.714.524
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.153.556.757	21.394.029.293
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.852.429.023	40.651.098.661
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.295.620.607	(1.013.541.055)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		66.325.803	(53.127.365)
Tiền lãi vay đã trả	14		(493.797.668)	(86.015.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(901.426.313)	(5.307.040.257)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(848.435.103)	(735.184.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.752.389.779	74.087.933.980
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(170.500.000.000)	(160.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		180.000.000.000	100.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.225.690.613	4.394.891.010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.725.690.613	(55.105.108.990)





BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	44.064.567.500	34.137.679.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(44.064.567.500)	(34.137.679.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		8.010.869.392	5.940.580.990
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.204.387.477	2.498.827.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(235.021.416)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	16.215.256.869	8.204.387.477
(70 = 50+60+61)				



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
Cộng		100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 35 (31/12/2022: 37).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Dưới tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, doanh thu năm 2023 của Công ty đã giảm hơn 36% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do nhu cầu phân bón trên thị trường giảm mạnh, cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành dẫn đến phân bón rớt giá rất nhanh và mạnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 20, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 1, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Tỉnh lộ 768, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống, phân bón: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	90.953.296	192.351.025
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.624.303.573	8.012.036.452
Các khoản tương đương tiền (*)	11.500.000.000	-
Cộng	16.215.256.869	8.204.387.477

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,3% đến 3,25%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,86% đến 8,31%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.049.088.179	4.439.088.179
Các khách hàng khác	298.745.399	2.008.868.487
Cộng	4.347.833.578	6.447.956.666

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	4.225.830.323	-	4.615.830.323	1.331.726.454
Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:				
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND		
Số đầu năm	3.284.103.869	2.984.651.234		
Trích lập trong năm	941.726.454	299.452.635		
Số cuối năm	4.225.830.323	3.284.103.869		
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.049.088.179	Trên 3 năm	4.439.088.179	Từ 2 đến 3 năm
Các khách hàng khác	176.742.144	Trên 3 năm	176.742.144	Trên 3 năm
Cộng	4.225.830.323	-	4.615.830.323	1.331.726.454



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.589.321.375	-	2.244.270.785	-
Công cụ, dụng cụ	93.710.289	-	91.339.553	-
Hàng hóa	2.119.731.769	-	5.466.295.292	(943.778.155)
Hàng gửi bán	661.826.459	-	515.113.285	-
Cộng	4.464.589.892	-	8.317.018.915	(943.778.155)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	943.778.155	744.986.547
Trích lập trong năm	-	198.791.608
Hoàn nhập trong năm	943.778.155	-
Số cuối năm	-	943.778.155

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Tại ngày 31/12/2023	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	23.527.854.193	1.690.442.943	897.405.051	90.323.636	26.206.025.823
Khấu hao trong năm	339.814.494	-	101.629.992	-	441.444.486
Tại ngày 31/12/2023	23.867.668.687	1.690.442.943	999.035.043	90.323.636	26.647.470.309
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	522.769.110	-	457.335.044	-	980.104.154
Tại ngày 31/12/2023	182.954.616	-	355.705.052	-	538.659.668

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.280.253.470 VND.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Phân bón Nguyên Ngọc	1.276.875.000	1.276.875.000	362.280.000	362.280.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.011.210.000	1.011.210.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	329.800.000	329.800.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	328.232.648	328.232.648	233.087.381	233.087.381
Cộng	2.946.117.648	2.946.117.648	595.367.381	595.367.381

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2023 VND		Số đã nộp VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
		Số phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	35.478.721	300.347.128	293.691.317	28.822.910		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	641.657.334	1.156.319.083	901.426.313	386.764.564		
Thuế thu nhập cá nhân	37.396.998	492.704.762	521.339.945	66.032.181		
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	10.797.338	215.152.970	204.355.632	-		
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-		
Cộng	725.330.391	2.173.523.943	1.929.813.207	481.619.655		

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương còn phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích tiền thuế đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	124.485.126	108.104.755
Cộng	3.545.197.355	3.528.816.984

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.750.738.000	6.217.949.000
Các khoản phải trả khác	1.816.625	23.116.636
Cộng	1.752.554.625	6.241.065.636

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2023	758.798.580
Trích trong năm	2.341.000.000
Chi trong năm	(848.435.103)
Tại ngày 31/12/2023	2.251.363.477

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	568.007.905	14.800.317.154	115.368.325.059
Lãi trong năm trước	-	-	17.820.893.958	17.820.893.958
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.235.023.000)	(1.235.023.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.900.000.000)	(17.900.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	100.000.000.000	568.007.905	13.486.188.112	114.054.196.017
Lãi trong năm nay	-	-	4.717.293.467	4.717.293.467
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.341.000.000)	(2.341.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	100.000.000.000	568.007.905	5.862.481.579	106.430.489.484



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.717.293.467	17.820.893.958
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.112.000.000)	(2.341.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.605.293.467	15.479.893.958
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	1.548

4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.717.293.467	17.820.893.958
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.112.000.000)	(2.341.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.605.293.467	15.479.893.958
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	361	1.548

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024.

4.13.5. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	6.217.949.000	1.360.193.000
Cổ tức phải trả	10.000.000.000	17.900.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
Số dư cuối năm	1.750.738.000	6.217.949.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	647,42	318.758,16

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	233.294.843.944	367.044.972.553
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.034.558.294	2.825.354.985
Cộng	236.329.402.238	369.870.327.538

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm hơn 36% so với năm 2022, nguyên nhân được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	226.230.400.662	332.229.061.351
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	198.791.608
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(943.778.155)	-
Cộng	225.286.622.507	332.427.852.959

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	7.232.436.865	4.394.891.010
Lãi bán hàng trả chậm	12.585.194	254.693.467
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	275.145.387	-
Cộng	7.520.167.446	4.649.584.477

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	3.341.139.500	4.190.870.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.814.494	367.827.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	1.837.107.242	7.378.350.329
Chi phí khác	323.365.483	423.762.110
Cộng	5.841.426.719	12.360.810.115

(*) Trong đó, chi phí dịch vụ cân xe từ bên liên quan - Xem thêm Mục 8

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	1.021.946	1.795.943



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.052.186	158.299.164
Chi phí nhân viên	3.271.801.350	4.290.357.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.629.992	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	301.739.370	283.059.716
Chi phí dự phòng	941.726.454	299.452.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.504.495	1.280.663.805
Chi phí khác	321.774.167	547.746.993
Cộng	6.290.228.014	6.961.209.805

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá mua hàng hóa	217.039.086.268	307.195.140.055
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.431.113.703	25.520.986.281
Chi phí nhân viên	6.941.118.447	8.481.228.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	441.444.486	469.457.038
Chi phí dự phòng	941.726.454	498.244.243
Hoàn nhập dự phòng	(943.778.155)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.084.473.085	9.086.211.112
Chi phí khác	483.092.952	498.606.020
Cộng	237.418.277.240	351.749.872.879

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.920.616.833	22.343.867.447
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
<i>Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	96.000.000	91.000.000
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	-	180.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	235.021.416
<i>Trích tiền thuê đất tăng thêm từ 2006 đến 2017 (chưa chi trả)</i>	-	3.420.712.229
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước</i>	(235.021.416)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.781.595.417	26.270.601.092
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.156.319.083	5.254.120.218

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thuê đất trích trước	684.142.446	684.142.446	-	(684.142.446)
Lỗi đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	47.004.283	47.004.283	(47.004.283)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	684.142.446	731.146.729	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	47.004.283	(731.146.729)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	44.064.567.500	34.137.679.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(44.064.567.500)	(34.137.679.500)

(Xem trang tiếp theo)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		TP. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu	194.697.587.238	338.560.888.038	41.631.815.000	31.309.439.500	236.329.402.238	369.870.327.538
Kết quả hoạt động kinh doanh	11.000.828.231	37.418.326.079	41.951.500	24.148.500	11.042.779.731	37.442.474.579
Lợi nhuận gộp					7.520.167.446	4.649.584.477
Thu nhập tài chính					(512.711.983)	(328.670.306)
Chi phí tài chính					(5.841.426.719)	(12.360.810.115)
Chi phí bán hàng					(6.290.228.014)	(6.961.209.805)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					2.036.372	(97.501.383)
Lợi nhuận khác					(1.156.319.083)	(5.254.120.218)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(47.004.283)	731.146.729
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế					4.717.293.467	17.820.893.958

Tất cả tài sản và nợ phải trả của Công ty đều ở tỉnh Đồng Nai.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |
| 4. Ban Kiểm soát | Kiểm soát viên |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	16.517.406.900	1.997.147.600
Chi phí dịch vụ cân xe – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1.021.946	1.795.943

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	529.178.122	597.777.846
Ông Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	440.815.190	410.338.741
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	241.771.763	269.335.720
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	27.500.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	27.500.000
Cộng		1.307.765.075	1.368.452.307

(Xem trang tiếp theo)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.548	1.523
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.548	1.523

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do xác định lại quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 theo thực trích.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Người lập

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Đồng Nai, ngày 17 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THỊ ANH THY



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI



Đường số 1, KCN Biên hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên hòa, Tỉnh Đồng Nai



(0251) 3836 074



www.docam.vn



DOC